**vBẢNG SO SÁNH VÀ GIẢI TRÌNH SỬA THÔNG TƯ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia** | | |
| **Nội dung cũ** | **Nội dung mới** | **Giải trình sửa đổi** |
| **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG** |  |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Phạm vi điều chỉnh  Thông tư này quy định về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản (sau đây gọi là đề tài) do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ) tài trợ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.  2. Đối tượng áp dụng  a) Tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam; tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có chức năng nghiên cứu khoa học; tổ chức nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu với tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức khoa học và công nghệ).  b) Cá nhân nhà khoa học là công dân Việt Nam; nhà khoa học nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu với tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân nhà khoa học Việt Nam.  c) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Phạm vi điều chỉnh  Thông tư này quy định về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản (sau đây gọi là đề tài) do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ) tài trợ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.  2. Đối tượng áp dụng  a) Tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam; tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có chức năng nghiên cứu khoa học; tổ chức nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu với tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức khoa học và công nghệ).  b) Cá nhân nhà khoa học là công dân Việt Nam; nhà khoa học nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu với tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân nhà khoa học Việt Nam.  c) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. |  |
| **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  1. *Lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật* bao gồm khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược và khoa học nông nghiệp.  2. *Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn* bao gồm khoa học xã hội và khoa học nhân văn.  3. Tạp chí quốc tế có uy tín  a) Đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tạp chí quốc tế có uy tín là các tạp chí khoa học được lựa chọn từ danh mục SCI (Science Citation Index) và SCIE (Science Citation Index Expanded) của Viện Thông tin khoa học Quốc tế (Hoa Kỳ), được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở tư vấn của các Hội đồng khoa học ngành. b) Đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, tạp chí quốc tế có uy tín là  các tạp chí thuộc các danh mục sau đây:  - Danh mục AHCI (Arts and Humanities Citation Index) hoặc SSCI (Social Science Citation Index) của Viện Thông tin khoa học Quốc tế (Hoa Kỳ);  - Tạp chí khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn thuộc cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier;  - Tạp chí khoa học quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở kiến nghị của các Hội đồng khoa học ngành, liên ngành.  4. Tạp chí ISI có uy tín  a) Đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tạp chí ISI có uy tín là các tạp chí khoa học chất lượng hàng đầu của các ngành thuộc lĩnh vực, được lựa chọn từ tạp chí quốc tế có uy tín, được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở tư vấn của các Hội đồng khoa học ngành.  b) Đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, tạp chí ISI có uy tín là các tạp chí thuộc các danh mục AHCI (Arts and Humanities Citation Index) hoặc SSCI (Social Science Citation Index) của Viện Thông tin khoa học Quốc tế (Hoa Kỳ).  5. Tạp chí quốc gia có uy tín là các tạp chí khoa học được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở kiến nghị của các Hội đồng khoa học ngành, liên ngành.  6. Nhóm nghiên cứu mạnh là tập thể các nhà khoa học xây dựng được hướng nghiên cứu chung, dài hạn; có mục tiêu, kế hoạch nghiên cứu cho từng giai đoạn cụ thể; nội dung nghiên cứu có tính đột phá và cần nhiều thành viên tham gia thực hiện. Các thành viên chủ chốt của nhóm có kết quả nghiên cứu nổi bật (theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư này). | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  1. *Lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật* bao gồm khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược và khoa học nông nghiệp.  2. *Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn* bao gồm khoa học xã hội và khoa học nhân văn.  3. *Tạp chí quốc tế có uy tín* là các tạp chí khoa học được lựa chọn từ các danh mục tạp chí của các cơ sở dữ liệu về học thuật thông dụng trên thế giới, được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt trên cơ sở tư vấn của các Hội đồng khoa học. | Sửa định nghĩa danh mục tạp chí. |
| **Điều 3. Mục tiêu tài trợ**  1. Tạo môi trường nghiên cứu thuận lợi nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học cơ bản trong các tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam.  2. Nâng cao năng lực nghiên cứu, hình thành các tập thể nghiên cứu mạnh; góp phần đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao.  3. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, hướng tới chuẩn mực quốc tế.  4. Thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học. | **Điều 3. Mục tiêu tài trợ**  1. Tạo môi trường nghiên cứu thuận lợi nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học cơ bản trong các tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam.  2. Nâng cao năng lực nghiên cứu, hình thành các tập thể nghiên cứu mạnh; góp phần đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao.  3. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học. |  |
| **Điều 4. Các đề tài được Quỹ tài trợ**  Quỹ xem xét tài trợ các đề tài nghiên cứu cơ bản do tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân nhà khoa học đề xuất, phù hợp với các hướng nghiên cứu cơ bản do Quỹ công bố, bao gồm:  1. Đề tài mang tính thăm dò, khám phá;  2. Đề tài nhằm phát triển các hướng nghiên cứu đã đạt được những kết quả bước đầu, các nghiên cứu chuyên sâu đã được thực hiện tại Việt Nam. | **Điều 4. Các đề tài được Quỹ tài trợ**  Quỹ xem xét tài trợ các đề tài nghiên cứu cơ bản do tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân nhà khoa học đề xuất, bao gồm:  1. Đề tài thăm dò, khám phá: Là đề tài nhằm xây dựng và thiết lập nền tảng nghiên cứu cho các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu đang ở giai đoạn đầu của sự nghiệp nghiên cứu khoa học.  2. Đề tài phát triển: Là đề tài hướng tới các mục tiêu lớn và dài hạn, kết hợp giữa nghiên cứu và đào tạo nhân lực nghiên cứu khoa học trình độ cao; nhằm mở rộng các hướng nghiên cứu đã đạt được những kết quả bước đầu, các nghiên cứu chuyên sâu đã được thực hiện ở Việt Nam hoặc tạo đột phá về khoa học và công nghệ. | Sửa mô tả về đề tài thăm dò khám phá và đề tài phát triển. |
| **Điều 5. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu**  Quỹ tài trợ thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế trong nghiên cứu cơ bản dưới các hình thức sau đây:  1. Hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài phục vụ các nội dung nghiên cứu của đề tài (không quá 06 tháng);  2. Tiếp chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc, hợp tác nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài | **Điều 5. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu**  Quỹ tài trợ thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế trong nghiên cứu cơ bản dưới các hình thức sau đây:  1. Hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài phục vụ các nội dung nghiên cứu của đề tài (không quá 06 tháng);  2. Tiếp chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc, hợp tác nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài;  3. Tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài nhằm trình bày các kết quả của đề tài. |  |
| **Chương II NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ,  HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Chương II NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ,  HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** |  |
| **Điều 6. Nguyên tắc đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài**  Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài theo các nguyên tắc sau đây:  1. Đánh giá bởi các chuyên gia cùng ngành, liên ngành thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) do Quỹ thành lập và chuyên gia tư vấn độc lập (khi cần thiết);  2. Đánh giá dựa trên hồ sơ;  3. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng;  4. Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. | **Điều 6. Nguyên tắc đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài**  Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài theo các nguyên tắc sau đây:  1. Đánh giá bởi các chuyên gia cùng ngành, liên ngành thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) do Quỹ thành lập và chuyên gia tư vấn độc lập (khi cần thiết);  2. Đánh giá chỉ dựa trên hồ sơ;  3. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng;  4. Phù hợp các chuẩn mực quốc tế. | Đánh giá chỉ dựa trên hồ sơ. |
| **Điều 7. Chuyên gia đánh giá**  1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:  a) Thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ;  b) Có kết quả nghiên cứu chuyên môn phù hợp được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong 05 năm gần nhất. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;  c) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.  2. Trong trường hợp cần thiết, Quỹ mời nhà khoa học nước ngoài, nhà khoa học người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ làm chuyên gia đánh giá độc lập hoặc tham gia Hội đồng khoa học do Quỹ thành lập để đánh giá đề tài, tư vấn về các hoạt động của Quỹ.  Chuyên gia đánh giá là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia các hoạt động của Quỹ phải đáp ứng được tiêu chí lựa chọn chuyên gia đánh giá nêu tại các điểm b, c Khoản 1 Điều này và được hưởng các chế độ theo quy định.  3. Chuyên gia đánh giá có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài được đánh giá; chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan về đề tài.  4. Chuyên gia đánh giá không tham gia đánh giá đề tài do mình đăng ký làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, đề tài do tổ chức nơi mình công tác đăng ký chủ trì, đề tài có quyền và lợi ích liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá.  5. Cơ quan Điều hành Quỹ xây dựng và trình Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ theo các tiêu chí nêu tại điểm b, c Khoản 1 Điều này để phục vụ việc đánh giá đề tài. | **Điều 7. Chuyên gia đánh giá**  1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá khoa học và công nghệ liên quan đến các chương trình tài trợ, hỗ trợ của Quỹ. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:  a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kết quả nghiên cứu chuyên môn phù hợp được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong 05 năm gần nhất Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;  b) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.  2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá.  3. Chuyên gia đánh giá không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá. | Sửa điều kiện đối với chuyên gia đánh giá cho thống nhất giữa các lĩnh vực.  Sửa quy định về quy chế quản lý cơ sở dữ liệu chuyên gia cho phù hợp với thực tế cơ sở dữ liệu có sự biến đổi thường xuyên. |
| **Điều 8. Hội đồng khoa học**  1. Hội đồng khoa học được thành lập theo ngành hoặc liên ngành khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:  a) Hướng nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ;  b) Đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ;  c) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.  2. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:  a) Tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 Thông tư này;  b) Được các nhà khoa học cùng ngành tín nhiệm giới thiệu;  c) Có cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ.  3. Hội đồng khoa học có nhiệm kỳ 02 năm. Thành viên tham gia Hội đồng khoa học không quá 03 nhiệm kỳ liên tục.  4. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ thành lập Hội đồng khoa học khác để đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài cụ thể.  5. Hội đồng quản lý Quỹ quy định quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học. | **Điều 8. Hội đồng khoa học**  1. Hội đồng khoa học được thành lập theo ngành hoặc liên ngành khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:  a) Định hướng triển khai nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ;  b) Đánh giá khoa học các đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ;  c) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.  2. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:  a) Tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này;  b) Được các nhà khoa học cùng ngành tín nhiệm giới thiệu;  c) Có cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ.  3. Hội đồng khoa học có nhiệm kỳ 02 năm. Thành viên tham gia Hội đồng khoa học không quá 03 nhiệm kỳ liên tục.  4. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ thành lập Hội đồng khoa học khác để đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài cụ thể.  5. Hội đồng quản lý Quỹ quy định quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học. |  |
| **Chương III**  **ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI** | **Chương III**  **ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI** |  |
| **Điều 9. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài**  1. Hằng năm, Quỹ thông báo các hướng nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan và thời hạn nộp hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.  2. Căn cứ thông báo của Quỹ, các tổ chức, cá nhân nhà khoa học đề xuất đề tài, lập Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài và gửi đến Quỹ theo quy định.  3. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo mẫu được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:  a) Đơn đăng ký đề tài nghiên cứu cơ bản (Mẫu NCCB01, NCCB01E);  b) Thuyết minh đề tài nghiên cứu cơ bản (Mẫu NCCB02, NCCB02E);  c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và từng thành viên nhóm nghiên cứu (Mẫu NCCB03, NCCB03E) cùng với các tài liệu chứng minh thành tích nghiên cứu;  d) Tài liệu chứng minh về việc đào tạo nghiên cứu sinh;  đ) Phiếu khai hồ sơ (Mẫu NCCB04);  e) Tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Quỹ.  4. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này; có xác nhận của cơ quan công tác, tổ chức chủ trì hoặc bảo trợ và được nộp trong thời hạn theo thông báo của Quỹ. | **Điều 9. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài**  1. Hằng năm, Quỹ thông báo thông tin về đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tài trợ trên cổng thông tin điện tử của Quỹ.  2. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo mẫu được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:  a) Đơn đăng ký đề tài (Mẫu NAFOSTED 01, NAFOSTED 01E);  b) Thuyết minh đề tài (Mẫu NAFOSTED 02, NAFOSTED 02E);  c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu tham gia đề tài (Mẫu NAFOSTED03, NAFOSTED03E) cùng các tài liệu minh chứng kết quả nghiên cứu, đào tạo nếu cần thiết;  d) Phiếu khai hồ sơ (Mẫu NAFOSTED04);  đ) Tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Quỹ.  4. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này và được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia theo quy định. | Sửa quy định về hồ sơ theo hướng chuyển đổi số và nộp qua dịch vụ công, thống nhất các mẫu biểu về đề tài giữa các chương trình tài trợ. |
| **Điều 10. Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài**  1. Đối với tổ chức chủ trì đề tài:  a) Các tổ chức khoa học và công nghệ có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài;  b) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của tổ chức chủ trì đối với các đề tài đã được Quỹ tài trợ quy định tại Khoản 1 và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Thông tư này.  2. Đối với chủ nhiệm đề tài:  a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu đề tài, đang làm công tác nghiên cứu tại một tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp chủ nhiệm đề tài không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ nào, phải được một tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam uy tín trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp bảo trợ và chấp nhận làm tổ chức chủ trì;  b) Có năng lực nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đề tài: có học vị tiến sỹ hoặc học hàm phó giáo sư, giáo sư và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  c) Có đủ thời gian để hoàn thành nội dung nghiên cứu của đề tài theo quy định. Trường hợp chủ nhiệm đề tài đi công tác, làm việc tại nước ngoài, tổng thời gian ở nước ngoài không quá 1/3 thời gian thực hiện đề tài;  d) Không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì, tham gia đề tài theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư này.  3. Thành viên nhóm nghiên cứu đề tài phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, bao gồm:  a) Thành viên nghiên cứu chủ chốt, thư ký khoa học: có học vị tiến sỹ hoặc học hàm phó giáo sư, giáo sư và có kết quả nghiên cứu phù hợp được công bố trên các tạp chí quốc gia hoặc quốc tế có uy tín trong 05 năm tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ.  Trường hợp là thạc sĩ phải có kết quả nghiên cứu phù hợp, có 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín hoặc 01 sách chuyên khảo đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong 05 năm tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;  b) Nghiên cứu sinh tham gia thực hiện đề tài phải có nội dung luận án phù hợp với đề tài, có quyết định giao đề tài luận án không quá 24 tháng tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;  c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác.  4. Đối với nhóm nghiên cứu mạnh, ngoài các yêu cầu quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Chủ nhiệm đề tài có kết quả công bố trên các tạp chí ISI có uy tín phù hợp trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có khả năng tập hợp được nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao tham gia thực hiện đề tài, duy trì được hợp tác nghiên cứu khoa học thường xuyên với các nhóm nghiên cứu quốc tế cùng ngành, liên ngành;  b) Có ít nhất 02 thành viên nghiên cứu chủ chốt của đề tài đáp ứng yêu cầu của chủ nhiệm đề tài nêu tại Khoản 2 Điều này;  c) Tổ chức chủ trì đề tài có đủ điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực nghiên cứu và cam kết hỗ trợ trong thời gian thực hiện nghiên cứu.  5. Mỗi cá nhân được đồng thời tham gia không quá 02 đề tài trong đó làm chủ nhiệm không quá 01 đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ. | **Điều 10. Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài**  1. Đối với tổ chức chủ trì đề tài:  a) Các tổ chức khoa học và công nghệ có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài;  b) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của tổ chức chủ trì đối với các đề tài đã được Quỹ tài trợ quy định tại Khoản 1 và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Thông tư này.  2. Đối với chủ nhiệm đề tài:  a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu đề tài, đang làm công tác nghiên cứu tại một tổ chức khoa học và công ngh;  b) Có năng lực nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đề tài: Có học vị tiến sỹ; có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài đăng ký tài trợ được công bố trên tạp chí tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài;  c) Có đủ thời gian để hoàn thành nội dung nghiên cứu của đề tài theo quy định. Trường hợp chủ nhiệm đề tài đi công tác, làm việc tại nước ngoài, tổng thời gian ở nước ngoài không quá 1/3 thời gian thực hiện đề tài;  d) Đối với đề tài thăm dò, khám phá, Quỹ ưu tiên tài trợ đối với các chủ nhiệm đề tài dưới 40 tuổi hoặc lần đầu thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ.  3. Thành viên tham gia đề tài phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, cụ thể:  a) Thành viên chính, thư ký khoa học: Có học vị tiến sỹ và có kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung đề tài được công bố trên tạp chí khoa học trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài;  b) Thành viên: Có học vị thạc sĩ trở lên, có kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung đề tài. Nghiên cứu sinh của đề tài cần có nội dung luận án phù hợp với đề tài.  c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.  4. Chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia đề tài không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì, tham gia đề tài theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 19 Thông tư này.  5. Đối với đề tài phát triển, ngoài các yêu cầu quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính của ít nhất 01 công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc nhóm Q1 trong thời gian 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Quỹ thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đề tài, có khả năng tập hợp được nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao tham gia thực hiện đề tài, duy trì được hợp tác nghiên cứu khoa học thường xuyên với các nhóm nghiên cứu quốc tế cùng ngành, liên ngành;  b) Có ít nhất 02 thành viên chính của đề tài đáp ứng yêu cầu của chủ nhiệm đề tài nêu tại Khoản 2 Điều này;  c) Tổ chức chủ trì đề tài có đủ điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực nghiên cứu và cam kết hỗ trợ trong thời gian thực hiện nghiên cứu.  6. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ hoặc đề tài cấp quốc gia và tương đương khác. Trường hợp đặc biệt (cần đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn), do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. | Điều chỉnh tên gọi các chức danh tham gia đề tài cho phù hợp với các thông tư quy định quản lý tài chính.  Chỉnh sửa điều kiện đối với các chức danh cho phù hợp với quy định mới về danh mục tạp chí uy tín. |
| **Điều 11. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài**  1. Thời gian thực hiện đề tài   1. Đối với đề tài nghiên cứu lý thuyết, thời gian thực hiện không quá 24 tháng.   b) Đối với đề tài nghiên cứu thực nghiệm, thời gian thực hiện không quá 36 tháng.  c) Đối với đề tài do nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện, căn cứ đề xuất của chủ nhiệm đề tài và kiến nghị của Hội đồng Khoa học, Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định thời gian phù hợp để thực hiện đề tài.  2. Kết quả nghiên cứu của đề tài trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật phải có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín và 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín.  3. Kết quả nghiên cứu của đề tài trong lĩnh vực xã hội và nhân văn phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:  a) Có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín và 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín;  b) Có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín.  Trường hợp vấn đề nghiên cứu không thể công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín, kết quả đề tài phải có ít nhất 01 sách chuyên khảo (đã xuất bản hoặc dưới dạng bản thảo được đánh giá đủ điều kiện để xuất bản) và 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín. Hội đồng khoa học đề xuất các trường hợp này để Quỹ xem xét, quyết định.  4. Đề tài mang tính thăm dò, khám phá, kết quả nghiên cứu phải có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín.  5. Đề tài do nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện, kết quả nghiên cứu phải có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí ISI có uy tín và 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín.  6. Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), tác giả (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và không thuộc trường hợp vấn đề nghiên cứu không thể công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín nêu tại khoản 3 Điều này) của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài.  7. Công trình công bố quy định tại Điều này phải chú thích là kết quả nghiên cứu của đề tài được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ*.* | **Điều 11. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài**  1. Thời gian thực hiện đề tài  a) Thời gian thực hiện đề tài bao gồm thời gian đăng ký thực hiện đề tài và thời gian gia hạn thực hiện đề tài nếu có.  b) Đối với đề tài thăm dò, khám phá, thời gian đăng ký thực hiện đề tài không quá 36 tháng. Đối với đề tài phát triển thời gian đăng ký thực hiện đề tài từ 36 tháng đến 60 tháng và tương ứng với mục tiêu, các nội dung nghiên cứu, kết quả dự kiến của đề tài.  2. Kết quả nghiên cứu của đề tài thăm dò, khám phá phải có ít nhất 02 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc Danh mục do Quỹ ban hành gần nhất trước thời điểm gửi đăng.  Chủ nhiệm đề tài thăm dò, khám phá là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài.  3. Kết quả nghiên cứu của đề tài phát triển phải có ít nhất 02 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc nhóm Q1 trong Danh mục do Quỹ ban hành gần nhất trước thời điểm gửi đăng và hỗ trợ đào tạo ít nhất 01 nghiên cứu sinh.  Chủ nhiệm đề tài, các thành viên chính của đề tài phát triển là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài. Nghiên cứu sinh của đề tài phát triển là tác giả của ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài.  5. Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu. Trường hợp sản phẩm công bố của đề tài ghi nhận tài trợ của các tổ chức khác ngoài Quỹ cần có giải thích chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cung cấp đầy đủ minh chứng liên quan phục vụ đánh giá đề tài và nhóm nghiên cứu. | Điều chỉnh thời gian thực hiện đề tài cho phù hợp với thực tế tài trợ các chương trình và quy mô của đề tài cấp quốc gia.  Điều chỉnh điều kiện kết quả đề tài phù hợp với 2 loại hình đề tài NCCB. |
| **Chương IV**  **ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN ĐỀ TÀI** | **Chương IV**  **ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN ĐỀ TÀI** |  |
| **Điều 12. Phương thức, tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài**  1. Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 8 của Thông tư này.  2. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài:  a) Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu và sự phù hợp với hướng nghiên cứu cơ bản được Quỹ tài trợ;  b) Tính mới, tính sáng tạo của vấn đề nghiên cứu được đề xuất;  c) Mục tiêu, nội dung rõ ràng; phương pháp và kế hoạch nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu;  d) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu;  đ) Kết quả dự kiến; khả năng thành công của đề tài; ý nghĩa khoa học và triển vọng ứng dụng kết quả nghiên cứu;  e) Đóng góp đào tạo sau đại học;  g) Dự toán kinh phí nghiên cứu hợp lý.  3. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại các phiên họp đánh giá xét chọn đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định. | **Điều 12. Phương thức, tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài**  1. Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 8 của Thông tư này và chuyên gia đánh giá phản biện độc lập ngoài Hội đồng.  2. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài:  a) Tầm quan trọng, ý nghĩa, sự cần thiết của đề tài và sự phù hợp với loại hình đề tài nghiên cứu cơ bản được Quỹ tài trợ;  b) Tính mới, tính sáng tạo của đề tài;  c) Mức độ rõ ràng, khoa học của mục tiêu đề tài; sự phù hợp của nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu để đạt được mục tiêu đề tài;  d) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; năng lực, kinh nghiệm quản lý, tổ chức thực hiện đề tài và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu;  đ) Kết quả dự kiến; khả năng thành công của đề tài;  e) Đóng góp đào tạo sau đại học;  g) Dự toán kinh phí nghiên cứu hợp lý.  3. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại các phiên họp đánh giá xét chọn đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định. |  |
| **Điều 13. Phê duyệt và công bố danh mục đề tài được tài trợ**  1. Cơ quan điều hành Quỹ lập báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá xét chọn đề tài, nhận xét về sự phù hợp của quá trình đánh giá và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.  2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt các đề tài được Quỹ tài trợ.  Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ. | **Điều 13. Thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục đề tài được tài trợ**  1. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh đề cương và dự toán kinh phí của đề tài được Hội đồng khoa học đề nghị tài trợ theo quy định của Quỹ; lập báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá xét chọn đề tài, nhận xét về sự phù hợp của quá trình đánh giá xét chọn, kết quả thẩm định và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.  2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn, thẩm định đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục các đề tài cùng kinh phí được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử. | Gộp bước trình phê duyệt tài trợ và trình phê duyệt kinh phí để giảm thời gian xử lý. |
| **Điều 14. Thẩm định hồ sơ và phê duyệt kinh phí đề tài**  1. Thẩm định hồ sơ đề tài  Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh đề cương và dự toán kinh phí của đề tài theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ.  2. Phê duyệt kinh phí đề tài  a) Căn cứ kết quả thẩm định, Cơ quan Điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt kinh phí của các đề tài.  b) Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt. |  |  |
| **Chương V**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI** | **Chương V**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI** |  |
| **Điều 15. Hợp đồng nghiên cứu khoa học**  1. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành thỏa thuận, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Hợp đồng được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NCCB05). Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.  2. Trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, nếu chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định huỷ bỏ việc tài trợ đối với đề tài.  3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vi phạm liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.  4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu dự kiến có thay đổi trong nội dung hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định. | **Điều 15. Hợp đồng nghiên cứu khoa học**  1. Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt; tiến hành trao đổi, thống nhất, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt (Mẫu NAFOSTED 05) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.  2. Trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm Quỹ gửi Thông báo tài trợ, nếu chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hủy bỏ việc tài trợ đối với đề tài.  3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.  4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh có thể làm thay đổi nội dung của hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định. | - Học viện KHCN\_ĐMST: khoản 2 trùng với nội dung trong điều 13 => tiếp thu, bỏ khoản 2. |
| **Điều 16. Báo cáo và kiểm tra định kỳ**  1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NCCB06, Mẫu NCCB07), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.  2. Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài; trong trường hợp đề tài chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài.  Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.  3. Kết quả đánh giá định kỳ và kiểm tra thực tế được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.  Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành. | **Điều 16. Báo cáo và kiểm tra định kỳ**  1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED06, Mẫu NAFOSTED07), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.  2. Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài. Thành phần, phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.  Trong trường hợp đề tài chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.  3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.  Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành. | Điều chỉnh và làm rõ các quy định về đánh giá định kỳ. |
|  | **Điều 16a. Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện đề tài**  Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện đề tài áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 14 đến Điều 22 Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có). Trường hợp thay đổi tổ chức chủ trì đề tài hoặc chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì đề tài và chủ nhiệm đề tài được thay thế phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 10 Thông tư này. |  |
| **Điều 17. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài**  1. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài bao gồm các nội dung sau:  a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NCCB08);  b) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đề tài (Mẫu NCCB07);  c) Phụ lục về kết quả công bố và các kết quả khác của đề tài.  2. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm xây dựng và gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài tới Quỹ trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng (kể cả thời gian gia hạn nếu có).  Trong trường hợp chủ nhiệm đề tài hoàn thành sớm đề tài nghiên cứu so với hợp đồng và chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có quyền đề nghị Quỹ tổ chức nghiệm thu trước thời hạn.  3. Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo hợp đồng, chậm nhất 60 ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải báo cáo bằng văn bản, giải trình lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện đề tài gửi Cơ quan điều hành Quỹ kèm theo báo cáo tình hình thực hiện đề tài đến thời điểm đề nghị gia hạn thực hiện.  Trong thời hạn 30 ngày, Cơ quan điều hành Quỹ xem xét và có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn thực hiện đề tài. Thời gian gia hạn tối đa 12 tháng.  4. Thời gian chờ công bố: Đối với các đề tài đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu và gửi báo cáo kết quả thực hiện của đề tài theo thời hạn quy định nhưng bài báo quốc tế là kết quả công bố của đề tài chưa được đăng hoặc chấp nhận đăng chính thức, trong thời gian 12 tháng sau khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng (kể cả thời gian gia hạn nếu có), chủ nhiệm đề tài cập nhật kết quả công bố bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín để Quỹ tiến hành nghiệm thu đề tài theo quy định. | **Điều 17. Hồ sơ kết quả thực hiện đề tài**  1. Hồ sơ kết quả thực hiện đề tài bao gồm:  a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED08);  b) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đề tài (Mẫu NAFOSTED07);  c) Phụ lục về kết quả công bố và các kết quả khác của đề tài có minh chứng kèm theo.  2. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm xây dựng và gửi hồ sơ kết quả thực hiện đề tài tới Quỹ trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc thời gian thực hiện đề tài. | Bỏ quy định thời gian chờ công bố, bỏ nội dung về gia hạn (đã được đề cập ở phần điều chỉnh thời gian thực hiện). |
| **Điều 18. Đánh giá kết quả đề tài**  1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 8 của Thông tư này.  2. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài bao gồm:  a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài;  b) Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học, sách chuyên khảo đã được xuất bản và các sản phẩm khoa học khác (nếu có);  c) Thuyết minh đề tài;  d) Hợp đồng;  đ) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).  3. Tiêu chí đánh giá kết quả đề tài:  a) Mức độ đạt được mục tiêu nghiên cứu, kết quả nghiên cứu;  b) Kết quả công bố: bài báo công bố trên tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín; bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế, quốc gia khác, báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; bằng độc quyền sáng chế (nếu có);  Các kết quả công bố được công nhận là kết quả của đề tài phải được công bố trong thời gian thực hiện hợp đồng và thời gian gia hạn, chờ công bố (nếu có).  Bài báo công bố trên tạp chí ISI có uy tín được xem xét thay thế cho 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;  c) Kết quả khác của đề tài: đào tạo sau đại học, hợp tác nghiên cứu;  d) Tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài theo hợp đồng.  4. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.  Cơ quan Điều hành Quỹ tổng hợp kết quả đánh giá kết quả đề tài, trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định công nhận. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định. | **Điều 18. Đánh giá kết quả đề tài**  1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 8 của Thông tư này.  2. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài bao gồm:  a) Hồ sơ kết quả thực hiện đề tài;  b) Hợp đồng và Thuyết minh đề tài;  c) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).  3. Tiêu chí đánh giá kết quả đề tài:  a) Tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài;  b) Các kết quả khoa học đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp của đề tài;  c) Kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài: Bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc in ấn); Bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; bằng độc quyền sáng chế/ bằng bảo hộ giống cây trồng; bằng độc quyền giải pháp hữu ích;  d) Đào tạo sau đại học, hỗ trợ nhà khoa học trẻ, hợp tác phát triển nhóm nghiên cứu.  e) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt được với mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh.  4. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.  Cơ quan Điều hành Quỹ tổng hợp kết quả đánh giá kết quả đề tài, trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định công nhận. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định. | Sửa quy định về tiêu chí đánh giá kết quả đề tài và công bố của đề tài. |
| **Điều 19. Công nhận và xử lý đánh giá kết quả đề tài**  1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện với Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.  2. Quỹ quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thông báo đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài.  3. Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng.  4. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu của đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ được công nhận về thành tích nghiên cứu tương đương với thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.  5. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.  Trường hợp đề tài không đạt, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 02 năm kể từ ngày thông báo kết quả.  Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm. | **Điều 19. Công nhận và xử lý đánh giá kết quả đề tài**  1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện với Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.  2. Quỹ quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thông báo đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài.  3. Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng.  4. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu của đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ được công nhận về thành tích nghiên cứu tương đương với thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.  5. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành. Hội đồng quản lý Quỹ giao Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng để kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ kết quả kiểm tra, Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt phương án xử lý.  Trường hợp đề tài không đạt, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 02 năm kể từ ngày thông báo kết quả.  Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm. | Sửa khoản 5 về đánh giá nguyên nhân và phương án xử lý đề tài không hoàn thành. |
|  | **Điều 19a. Quản lý tài sản hình thành của đề tài**  Tài sản hình thành trong quá trình thực hiện đề tài sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành. | Bổ sung quy định về quản lý tài sản hình thành trong quá trình thực hiện đề tài. |
|  | **Điều 19b. Trách nhiệm của Quỹ**  Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn đề tài; tổ chức thực hiện đề tài; đánh giá nghiệm thu, thanh lý đề tài; quản lý, theo dõi việc sử dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan. |  |
| **Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài**  1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài:  a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ đề nghị tài trợ; cùng chủ nhiệm đề tài ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với Cơ quan điều hành Quỹ;  b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực theo hợp đồng để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện đề tài một cách hiệu quả;  c) Tiếp nhận, hỗ trợ chủ nhiệm đề tài trong việc quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo đúng quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, đảm bảo hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;  d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho Quỹ và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với đề tài;  đ) Cùng với chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đề tài;  e) Sử dụng chi phí quản lý từ kinh phí của đề tài cho các hoạt động quản lý chung, tài chính và hành chính liên quan đến đề tài theo quy định;  g) Tổ chức quản lý, khai thác kết quả của đề tài và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động này theo quy định;  h) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của đề tài theo quy định;  i) Thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định;  k) Báo cáo, trả lời các khảo sát của Quỹ về phát triển, ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, phát triển của nhóm nghiên cứu tham gia đề tài và các thông tin liên quan khác, phục vụ đánh giá hiệu quả và hoạch định chương trình tài trợ của Quỹ.  2. Tổ chức khoa học và công nghệ vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này không được đăng ký làm tổ chức chủ trì các đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 01 năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. | **Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài**  1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài:  a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ đề nghị tài trợ; cùng chủ nhiệm đề tài ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với Cơ quan điều hành Quỹ;  b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực theo hợp đồng để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện đề tài một cách hiệu quả;  c) Tiếp nhận, quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo đúng quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, đảm bảo hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;  d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho Quỹ và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với đề tài;  đ) Cùng với chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đề tài;  e) Sử dụng chi phí quản lý từ kinh phí của đề tài cho các hoạt động quản lý chung, tài chính và hành chính liên quan đến đề tài theo quy định;  g) Tổ chức quản lý, khai thác kết quả của đề tài và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động này theo quy định;  h) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của đề tài theo quy định;  i) Thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định;  k) Báo cáo, trả lời các khảo sát của Quỹ về phát triển, ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, phát triển của nhóm nghiên cứu tham gia đề tài và các thông tin liên quan khác, phục vụ đánh giá hiệu quả và hoạch định chương trình tài trợ của Quỹ;  l) Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong tổ chức triển khai nghiên cứu.  2. Tổ chức khoa học và công nghệ vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này không được đăng ký làm tổ chức chủ trì các đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 01 năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. | Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan của kết quả nghiên cứu. |
| **Điều 21. Trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài**  1. Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết.  2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài theo đúng các quy định hiện hành.  3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện đề tài, sử dụng kinh phí, kết quả đề tài theo quy định của Quỹ.  4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định.  5. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. | **Điều 21. Trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài**  1. Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định.  2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài theo đúng các quy định hiện hành.  3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện đề tài, sử dụng kinh phí, kết quả đề tài theo quy định của Quỹ.  4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định.  5. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ, đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;  6. Giới thiệu công khai trong tổ chức chủ trì các thông tin cập nhật về đề tài được Quỹ tài trợ, gồm tên đề tài, tổng kinh phí, thời gian thực hiện, chủ nhiệm và các thành viên đề tài, các kết quả nghiên cứu của đề tài trong suốt thời gian thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 10). | Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan của kết quả nghiên cứu. |
| **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
| **Điều 22. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015, thay thế cho Quy định về việc tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng quản lý Quỹ và Quy định về việc tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng quản lý Quỹ.  2. Đối với các đề tài do Quỹ phê duyệt danh mục tài trợ trước ngày có hiệu lực của Thông tư này tiếp tục thực hiện theo Quy định về việc tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng quản lý Quỹ và Quy định về việc tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng quản lý Quỹ.  3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định./. | **Điều 22. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày …..  2. Đối với các đề tài được Quỹ phê duyệt tài trợ trước ngày có hiệu lực của Thông tư này thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt đề tài cho đến khi kết thúc thực hiện đề tài.  3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định./. | Điều chỉnh hiệu lực thi hành. |
| **Phụ lục**  **CÁC BIỂU MẪU**   1. Mẫu NCCB01. Đơn đăng ký đề tài nghiên cứu cơ bản (tiếng Việt) 2. Mẫu NCCB01E. Đơn đăng ký đề tài nghiên cứu cơ bản (tiếng Anh) 3. Mẫu NCCB02. Thuyết minh đề tài nghiên cứu cơ bản (tiếng Việt) 4. Mẫu NCCB02E. Thuyết minh đề tài nghiên cứu cơ bản (tiếng Anh) 5. Mẫu NCCB06. Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài 6. Mẫu NCCB07. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đề tài 7. Mẫu NCCB08. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài | **Phụ lục**  **CÁC BIỂU MẪU**  a. Đơn đăng kí đề tài: Mẫu NAFOSTED01, NAFOSTED01E  b. Thuyết minh đề tài: Mẫu NAFOSTED 02, NAFOSTED02E  c. Lý lịch khoa học: Mẫu NAFOSTED03, NAFOSTED03E  d. Phiếu khai hồ sơ: Mẫu NAFOSTED04;  e. Hợp đồng: Mẫu NAFOSTED05  f. Báo cáo định kỳ: Mẫu NAFOSTED06  g. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí Mẫu NAFOSTED07  h. Báo cáo tổng hợp: Mẫu NAFOSTED08  i. Công văn đề nghị điều chỉnh: Mẫu NAFOSTED09 | Chỉnh sửa và đặt tên lại các biểu mẫu theo hướng thống nhất giữa các chương trình và phù hợp với chuyển đổi số. |
| **Thông tư số 40/2014/TT-BKHCN ngày 18/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ** | | |
| **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG** |  |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Phạm vi điều chỉnh  Thông tư này quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ) tài trợ.  2. Đối tượng áp dụng  Thông tư này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Phạm vi điều chỉnh  Thông tư này quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ) tài trợ.  2. Đối tượng áp dụng  Thông tư này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. |  |
| **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong phạm vi của Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn* là đề tài khoa học và công nghệ nghiên cứu những vấn đề mới xuất hiện trong thực tiễn, có tính cấp thiết, đòi hỏi phải giải quyết kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội (sau đây gọi là đề tài đột xuất).  2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng* là đề tài khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm quốc gia (sau đây gọi là đề tài tiềm năng).  3. *Tạp chí quốc gia có uy tín*, *tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí ISI có uy tín* là các tạp chí được xác định theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ. | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong phạm vi của Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn* là đề tài khoa học và công nghệ nghiên cứu những vấn đề mới xuất hiện trong thực tiễn, có tính cấp thiết, đòi hỏi phải giải quyết kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội (sau đây gọi là đề tài đột xuất).  2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng (sau đây gọi là đề tài tiềm năng) là đề tài khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao và tạo ra vật liệu, sản phẩm hoặc thiết bị mới, thiết lập quy trình, hệ thống và dịch vụ mới hoặc cải tiến đáng kể các sản phẩm và hệ thống đã có.  3. *Tạp chí quốc tế có uy tín* là các tạp chí được xác định theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.  4. Sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu: vật liệu, sản phẩm hoặc thiết bị mới, quy trình, hệ thống và dịch vụ mới có thể dùng để làm mẫu để sản xuất hay ứng dụng vào sản xuất. | Sửa định nghĩa đối với đề tài Tiềm năng theo hướng gần với triển khai thực nghiệm, tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu. |
| **Điều 3. Yêu cầu đối với đề tài đột xuất**  1. Đề tài đột xuất do tổ chức, cá nhân đề xuất với Quỹ phải đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Nội dung nghiên cứu là những vấn đề mới xuất hiện, đòi hỏi phải giải quyết kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội;  b) Có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn;  c) Thời gian xuất hiện của vấn đề không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Thời gian thực hiện đề tài không quá 18 tháng;  d) Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra khi đề tài được hoàn thành. Tổ chức ứng dụng kết quả dự kiến phải có năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả kết quả tạo ra.  2. Sản phẩm của đề tài  a) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài bao gồm giải pháp khoa học và công nghệ với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn để giải quyết vấn đề đặt ra.  b) Công bố khoa học dưới một trong các hình thức sau:  - Bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín hoặc tạp chí quốc tế có uy tín;  - Bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng. Trường hợp chưa được cấp bằng thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về khả năng bảo hộ. | **Điều 3. Yêu cầu đối với đề tài đột xuất**  1. Đề tài đột xuất do tổ chức, cá nhân đề xuất với Quỹ phải đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Nội dung nghiên cứu là những vấn đề mới xuất hiện, đòi hỏi phải giải quyết kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội;  b) Có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn;  c) Thời gian xuất hiện của vấn đề không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Thời gian thực hiện đề tài không quá 18 tháng;  d) Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra khi đề tài được hoàn thành. Tổ chức ứng dụng kết quả dự kiến phải có năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả kết quả tạo ra.  2. Sản phẩm của đề tài  a) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài bao gồm giải pháp khoa học và công nghệ với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn để giải quyết vấn đề đặt ra.  b) Công bố khoa học dưới hình thức sau: Bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc bài báo công bố trên tạp chí quốc gia, quốc tế khác hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích.  Trường hợp chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng.  Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính, thành viên chính của đề tài là tác giả chính hoặc đồng tác giả của các công bố khoa học của đề tài.  c) Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu. Trường hợp sản phẩm công bố của đề tài ghi nhận tài trợ của các tổ chức khác ngoài Quỹ cần có giải thích chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cung cấp đầy đủ minh chứng liên quan phục vụ đánh giá đề tài và nhóm nghiên cứu. |  |
| **Điều 4. Yêu cầu đối với đề tài tiềm năng**  1. Đề tài tiềm năng do tổ chức, cá nhân đề xuất với Quỹ phải đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Có tính đột phá, tiên phong, khi được nghiên cứu thành công có khả năng mở ra hướng nghiên cứu mới trong khoa học và công nghệ hoặc tạo ra sản phẩm công nghệ mới. Đối với nghiên cứu tạo ra sản phẩm công nghệ mới phải có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra khi đề tài được hoàn thành;  b) Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm quốc gia;  c) Thời gian thực hiện đề tài không quá 36 tháng.  2. Sản phẩm của đề tài  a) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài bao gồm giải pháp khoa học và công nghệ với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn để giải quyết vấn đề đặt ra, sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu (nếu có).  b) Công bố khoa học dưới một trong các hình thức sau:  - Ít nhất hai (02) bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;  - Bằng độc quyền sáng chế được chuyên gia đánh giá xác định chất lượng nội dung khoa học hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng. Trường hợp chưa được cấp bằng thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về khả năng bảo hộ. | **Điều 4. Yêu cầu đối với đề tài tiềm năng**  1. Đề tài tiềm năng do tổ chức, cá nhân đề xuất với Quỹ phải đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Có tính đột phá, tiên phong, khi được nghiên cứu thành công có khả năng tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu; có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra khi đề tài được hoàn thành;  b) Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên được Quỹ tài trợ thông qua đề tài tiềm năng;  c) Thời gian thực hiện đề tài không quá 60 tháng (bao gồm thời gian gia hạn).  2. Sản phẩm của đề tài  a) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài bao gồm giải pháp khoa học và công nghệ với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn để giải quyết vấn đề đặt ra, sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu.  b) Công bố khoa học dưới hình thức sau: bài báo quốc tế có uy tín hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng.  Trường hợp chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng.  Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính, thành viên chính của đề tài là tác giả chính hoặc đồng tác giả của các công bố khoa học của đề tài.  c) Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu. Trường hợp sản phẩm công bố của đề tài ghi nhận tài trợ của các tổ chức khác ngoài Quỹ cần có giải thích chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cung cấp đầy đủ minh chứng liên quan phục vụ đánh giá đề tài và nhóm nghiên cứu. |  |
| **Điều 5. Nguyên tắc đánh giá đề tài**  Quỹ thực hiện việc đánh giá đề tài theo các nguyên tắc sau đây:  1. Đánh giá bởi Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) và chuyên gia tư vấn độc lập (khi cần thiết).  2. Đánh giá dựa trên hồ sơ.  3. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng.  4. Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. | **Điều 5. Nguyên tắc đánh giá đề tài**  Quỹ thực hiện việc đánh giá đề tài theo các nguyên tắc sau đây:  1. Đánh giá bởi Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) và chuyên gia tư vấn độc lập (khi cần thiết).  2. Đánh giá dựa trên hồ sơ.  3. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng.  4. Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. |  |
|  | **Điều 5a. Chuyên gia đánh giá**  1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá khoa học và công nghệ liên quan đến các chương trình tài trợ, hỗ trợ của Quỹ. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:  a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kết quả nghiên cứu chuyên môn phù hợp được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong 05 năm gần nhất. Chuyên gia đánh giá là nhà quản lý phải hoạt động trong lĩnh vực hoặc làm việc/công tác liên quan đến vấn đề nghiên cứu, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm công tác quản lý. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;  b) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.  2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá.  3. Chuyên gia đánh giá không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá. |  |
| **Điều 6.** **Hội đồng khoa học**  1. Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, có nhiệm vụ tư vấn cho Quỹ trong việc đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài.  2. Hội đồng khoa học có 09 thành viên, trong đó:  a) Sáu (06) thành viên là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với đề tài, được lựa chọn từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ;  b) Ba (03) thành viên là nhà quản lý thuộc lĩnh vực liên quan đến vấn đề nghiên cứu, đại diện các tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu.  3. Trường hợp cần thiết thành lập Hội đồng khoa học với cơ cấu và chuyên gia khác với quy định tại Khoản 2 Điều này, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.  4. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể về quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học. | Điều 6 được sửa đổi bổ sung như sau:  “**Điều 6.** **Hội đồng khoa học**  1. Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:  a) Định hướng hoạt động tài trợ của Quỹ đối với đề tài đột xuất và đề tài tiềm năng;  b) Đánh giá khoa học;  c) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.  2. Hội đồng khoa học bao gồm các thành viên là các nhà khoa học, nhà quản lý. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:  a) Đáp ứng các tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại Khoản 1 Điều 5a Thông tư này;  b) Được các nhà khoa học, nhà quản lý trong cùng lĩnh vực chuyên môn tín nhiệm giới thiệu;  c) Có cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ.  3. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể về quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học | Sửa lại cơ cấu HDKH cho phù hợp thực tế triển khai và tránh xung đột về lợi ích. |
| **Điều 7. Kinh phí thực hiện đề tài**  1. Kinh phí thực hiện đề tài: ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp cho Quỹ và các nguồn kinh phí khác (nếu có).  2. Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đề tài được ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp cho Quỹ hằng năm.  3. Dự toán, định mức chi đề tài được thực hiện theo quy định hiện hành. | **Điều 7. Kinh phí thực hiện đề tài**  1. Kinh phí thực hiện đề tài: ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp cho Quỹ và các nguồn kinh phí khác (nếu có).  2. Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đề tài được chi từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp cho Quỹ hằng năm và các nguồn kinh phí khác (nếu có).  3. Dự toán, định mức chi đề tài được thực hiện theo quy định hiện hành. |  |
| **Chương II ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN ĐỀ TÀI** | **Chương II ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN ĐỀ TÀI** |  |
| **Điều 8. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài**  1. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:  a) Phiếu khai hồ sơ (Mẫu ĐXTN-01);  b) Đơn đăng ký thực hiện (Mẫu ĐXTN-02);  c) Thuyết minh đề tài, Thuyết minh đề tài tóm tắt (Mẫu ĐXTN-03, Mẫu ĐXTN-04);  d) Năng lực nghiên cứu và cơ sở vật chất của tổ chức chủ trì đề tài (Mẫu ĐXTN-05);  đ) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài (cùng các tài liệu chứng minh thành tích theo yêu cầu tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này) và các cá nhân đăng ký thực hiện đề tài (Mẫu ĐXTN-06);  e) Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức phối hợp nghiên cứu thực hiện đề tài (Mẫu ĐXTN-07);  g) Văn bản của tổ chức thụ hưởng xác nhận khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu (Mẫu ĐXTN-08);  h) Tài liệu khác liên quan đến đề tài (nếu có).  2. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này, có đầy đủ dấu của tổ chức và chữ ký của cá nhân theo từng biểu mẫu. | Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “**Điều 8. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài**  1. Hằng năm, Quỹ công bố lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên được Quỹ tài trợ thông qua đề tài tiềm năng; các vấn đề mới phát sinh, cần giải quyết thông qua các đề tài đột xuất (được Quỹ tập hợp từ các Bộ và các cơ quan tương đương); thông báo tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan, thời hạn và phương thức nộp hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài trên cổng thông tin điện tử của Quỹ.  2. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:  a) Đơn đăng ký đề tài (NAFOSTED01);  b) Thuyết minh đề tài (Mẫu NAFOSTED02);  c) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài (cùng các tài liệu chứng minh thành tích theo yêu cầu tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này) và các cá nhân đăng ký thực hiện đề tài (NAFOSTED03);  d) Phiếu khai hồ sơ: Mẫu NAFOSTED04;  e) Tài liệu khác liên quan đến đề tài (nếu có).  2. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này và được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia. | Bỏ bớt mẫu thuyết minh đề tài tóm tắt, quy định phương thức nộp hồ sơ theo hướng tin học hóa.  Bổ sung thêm tài liệu kết quả tra cứu thông tin sáng chế cho phù hợp với luật sở hữu trí tuệ.  Bổ sung thông báo về các lĩnh vực công nghệ ưu tiên trọng điểm quốc gia, các vấn đề đột xuất… |
| **Điều 9. Điều kiện của tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện đề tài**  1. Đối với tổ chức đăng ký chủ trì đề tài:  a) Có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài;  b) Có điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp để triển khai thực hiện đề tài;  c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Thông tư này.  2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài:  a) Là người đề xuất và chủ trì xây dựng thuyết minh đề tài;  b) Có trình độ từ đại học trở lên và đang hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài;  c) Có khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm thời gian để chủ trì đề tài;  d) Không bị hạn chế quyền công dân theo quy định của pháp luật Việt Nam;  đ) Không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì đề tài theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Thông tư này;  e) Đáp ứng ít nhất một trong các yêu cầu sau đây:  - Đối với đề tài đột xuất, phải có công trình công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín có nội dung liên quan đến đề tài đăng ký trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.  Đối với đề tài tiềm năng, phải có công trình công bố trên tạp chí ISI uy tín có nội dung liên quan đến đề tài đăng ký trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.  - Là tác giả sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ, có nội dung liên quan đến đề tài đăng ký và được ứng dụng vào thực tiễn trong thời gian bảy (07) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.  3. Trường hợp cá nhân không thuộc một tổ chức có đủ điều kiện quy định về tổ chức chủ trì đăng ký đề tài, phải được một tổ chức có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này chấp nhận làm tổ chức chủ trì. | **“Điều 9. Điều kiện của tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện đề tài**  1. Đối với tổ chức đăng ký chủ trì đề tài:  a) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài;  b) Có điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp để triển khai thực hiện đề tài;  c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Thông tư này.  2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài:  a) Là người đề xuất và chủ trì xây dựng thuyết minh đề tài;  b) Có học vị tiến sĩ và đang hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, đang làm việc tại tổ chức đăng kí chủ trì đề tài;  c) Có khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm thời gian để chủ trì đề tài;  d) Không bị hạn chế quyền công dân theo quy định của pháp luật Việt Nam;  đ) Không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì đề tài theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Thông tư này;  e) Là tác giả chính của công trình công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín hoặc là tác giả sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ có nội dung phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài đăng ký trong thời gian 05 năm gần nhất.  3. Điều kiện đối với thành viên chính, thư ký khoa học; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác của đề tài được áp dụng theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.  4. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ hoặc đề tài cấp quốc gia và tương đương khác. Trường hợp đặc biệt (cần đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ đột xuất), do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. |  |
| **Điều 10. Đánh giá xét chọn đề tài**  1. Đề tài được đánh giá xét chọn theo hai (02) bước: đánh giá đề xuất đề tài và đánh giá nội dung của đề tài.  2. Tiêu chí đánh giá đề xuất đề tài theo các yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.  3. Tiêu chí đánh giá nội dung đề tài:  a) Mục tiêu nghiên cứu đề tài; tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài;  b) Nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng;  c) Tính mới, tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học của đề xuất nghiên cứu;  d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện, khả năng hoàn thành sản phẩm đăng ký;  đ) Khả năng ứng dụng và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài;  e) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu. | **Điều 10. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài**  1. Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu và sự phù hợp với yêu cầu đối với đề tài Đột xuất/ Tiềm năng quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 Thông tư này;  2. Tính mới, tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;  3. Mức độ rõ ràng, khoa học của mục tiêu đề tài;  4. Sự phù hợp của nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu để đạt được mục tiêu đề tài;  5. Dự toán kinh phí hợp lý;  6. Khả năng ứng dụng và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài;  7. Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu. |  |
| **Điều 11. Tổ chức đánh giá xét chọn đề tài**  1. Quỹ thực hiện đánh giá xét chọn đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.  2. Quá trình tổ chức đánh giá xét chọn đề tài và công bố kết quả tài trợ kể từ thời điểm tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ không quá 30 ngày đối với đề tài đột xuất và không quá 60 ngày đối với đề tài tiềm năng (không tính thời gian kiểm tra, khảo sát của tổ công tác quy định tại Khoản 3 Điều này).  3. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quy định. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.  Hội đồng khoa học đề nghị Quỹ thành lập tổ công tác kiểm tra, khảo sát đánh giá cơ sở vật chất, kỹ thuật, năng lực, nguồn lực của tổ chức, cá nhân được giao thực hiện đề tài (nếu cần). Tổ công tác thực hiện việc kiểm tra, khảo sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập. | **Điều 11. Tổ chức đánh giá xét chọn đề tài**  1. Quỹ thực hiện đánh giá xét chọn đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.  2. Quá trình tổ chức đánh giá xét chọn đề tài và công bố kết quả tài trợ kể từ thời điểm tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ không quá 30 ngày đối với đề tài đột xuất và không quá 60 ngày đối với đề tài tiềm năng (không tính thời gian kiểm tra, khảo sát của tổ công tác quy định tại Khoản 3 Điều này).  3. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quy định. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.  Hội đồng khoa học đề nghị Quỹ thành lập tổ công tác kiểm tra, khảo sát đánh giá cơ sở vật chất, kỹ thuật, năng lực, nguồn lực của tổ chức, cá nhân được giao thực hiện đề tài (nếu cần). Tổ công tác thực hiện việc kiểm tra, khảo sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập. |  |
| **Điều 12. Phê duyệt và công bố danh mục đề tài được tài trợ**  1. Căn cứ kết quả đánh giá xét chọn đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Giám đốc Quỹ nhận xét về quá trình đánh giá và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt các đề tài được Quỹ tài trợ.  2. Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ và thông báo kết quả đánh giá xét chọn tới tổ chức, cá nhân đăng ký đề tài.  3. Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện đề tài có trách nhiệm chỉnh sửa Thuyết minh đề tài, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của hội đồng và gửi hồ sơ đã bổ sung, hoàn thiện kèm theo văn bản giải trình chỉnh sửa (một bản chính có chữ ký của chủ nhiệm đề tài và bản điện tử) đến Quỹ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Thông báo kết quả đánh giá xét chọn. | **Điều 12. Thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục đề tài được tài trợ**  1. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của đề tài được Hội đồng khoa học đề nghị tài trợ theo quy định của Quỹ.  Cơ quan điều hành Quỹ lập báo cáo kết quả đánh giá xét chọn đề tài, nhận xét về sự phù hợp của quá trình đánh giá xét chọn, thẩm định và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.  2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn, thẩm định đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử theo thời hạn được quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư này. |  |
| **Điều 13. Thẩm định hồ sơ và phê duyệt kinh phí đề tài**  1. Thẩm định hồ sơ đề tài  Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh đề cương và dự toán kinh phí của đề tài theo quy định do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.  2. Phê duyệt kinh phí đề tài  a) Căn cứ kết quả thẩm định, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, phê duyệt kinh phí của các đề tài.  b) Cơ quan điều hành Quỹ thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt. |  |  |
| **Chương III**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI** | **Chương III**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI** |  |
| **Điều 14. Hợp đồng nghiên cứu khoa học**  1. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành thỏa thuận, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Hợp đồng được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu ĐXTN-09).  2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm Cơ quan điều hành Quỹ thông báo tài trợ, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, ra quyết định huỷ bỏ việc tài trợ đối với đề tài.  3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vi phạm liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.  4. Điều chỉnh hợp đồng  a) Tổ chức chủ trì đề tài được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.  b) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài đề nghị điều chỉnh nội dung hợp đồng đã ký phải có văn bản gửi Quỹ xem xét, quyết định.  c) Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài; tên, mục tiêu, sản phẩm của đề tài, tổng kinh phí tài trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt, chấm dứt thực hiện hợp đồng.  d) Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định điều chỉnh các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký, trừ các nội dung quy định tại Điểm c, Khoản này.  đ) Hội đồng quản lý Quỹ thành lập hội đồng khoa học hoặc tổ chuyên gia gồm các chuyên gia chuyên môn và chuyên gia tài chính, để xem xét các điều chỉnh quy định tại Điểm c Khoản này, xác định nguyên nhân chấm dứt hợp đồng và đề xuất phương án xử lý.  5. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài theo quy định. | **Điều 14. Hợp đồng nghiên cứu khoa học**  1. Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt; tiến hành trao đổi, thống nhất, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt (Mẫu NAFOSTED05) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.  2. Trong thời gian 03 (ba) tháng kể từ thời điểm Quỹ gửi Thông báo tài trợ, nếu chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hủy bỏ việc tài trợ đối với đề tài.  3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.  4. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài theo quy định. |  |
|  | 5. Bổ sung Điều 15a như sau:  “**Điều 15a. Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**  1. Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định từ Điều 14 đến Điều 22 Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ và các thông tư sửa đổi, bổ sung.  2. Tổ chức, cá nhân được thay thế đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư này.” | Bổ sung các quy định chi tiết về quản lý thay đổi đối với các đề tài được tài trợ. |
| **Điều 15. Báo cáo và kiểm tra định kỳ**  1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ về tiến độ và kết quả thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu ĐXTN-10) gửi Quỹ theo quy định.  2. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ. Trong trường hợp đề tài chậm tiến độ, hoặc các trường hợp cần thiết khác, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài.  Kết quả đánh giá định kỳ, kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.  3. Kết quả đánh giá định kỳ và kiểm tra thực tế được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để cấp tiếp kinh phí cho đề tài.  Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành. | **Điều 15. Báo cáo và kiểm tra định kỳ**  1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED06, Mẫu NAFOSTED07), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.  2. Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài. Thành phần, phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.  Trong trường hợp đề tài chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.  3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.  Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành. |  |
| **Điều 16. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài**  1. Văn bản đề nghị đánh giá kết quả đề tài của tổ chức chủ trì đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu ĐXTN-11).  2. Sản phẩm của đề tài bao gồm: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu ĐXTN-12) và các công bố, sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài với số lượng và chất lượng theo hợp đồng.  3. Tài liệu của đề tài bao gồm:  a) Hợp đồng kèm theo thuyết minh đề tài đã được phê duyệt;  b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài;  c) Biên bản đánh giá định kỳ tình hình thực hiện của đề tài; biên bản kiểm tra (nếu có);  d) Văn bản liên quan đến việc tổ chức thực hiện đề tài (nếu có);  đ) Tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá các sản phẩm của đề tài do các tổ chức có thẩm quyền thực hiện (nếu có);  e) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài (nếu có);  g) Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị…), các số liệu điều tra, khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài (nếu có).  4. Số lượng và thời hạn nộp hồ sơ đánh giá kết quả đề tài  a) Hồ sơ đánh giá gồm 01 hồ sơ gốc và 01 bản điện tử quy định tại Khoản 3 Điều này.  b) Thời hạn nộp hồ sơ: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm kết thúc gia hạn hợp đồng, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá kết quả đề tài tới Quỹ.  Trường hợp chủ nhiệm đề tài hoàn thành sớm đề tài nghiên cứu so với hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có quyền đề nghị Quỹ tổ chức nghiệm thu trước thời hạn.  5. Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo hợp đồng, chậm nhất 60 ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải báo cáo bằng văn bản, giải trình lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện đề tài gửi Cơ quan điều hành Quỹ kèm theo báo cáo tình hình thực hiện đề tài đến thời điểm đề nghị gia hạn thực hiện. Thời gian gia hạn thực hiện đề tài không quá 06 tháng đối với đề tài đột xuất và không quá 12 tháng đối với đề tài tiềm năng.  Trong thời hạn 30 ngày, Quỹ xem xét và có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn thực hiện đề tài. | Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:  **“Điều 16. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài**  1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.  2. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài bao gồm:  a) Hợp đồng;  b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED08, báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đề tài (Mẫu NAFOSTED07) (kèm theo các minh chứng về sản phẩm công bố và đào tạo);  d) Văn bản liên quan đến việc tổ chức thực hiện đề tài (nếu có);  đ) Tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá các sản phẩm của đề tài do các tổ chức có thẩm quyền thực hiện (nếu có);  e) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài (nếu có);  g) Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị…), các số liệu điều tra, khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài (nếu có).  4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm kết thúc gia hạn hợp đồng, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá kết quả đề tài tới Quỹ. |  |
| **Điều 17. Đánh giá kết quả đề tài**  1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.  2. Nội dung đánh giá kết quả đề tài được thực hiện theo 05 nhóm tiêu chí, cụ thể như sau:  a) Đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm của đề tài;  b) Đánh giá sự phù hợp của cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng;  c) Đánh giá về yêu cầu khoa học và công nghệ đạt được của các sản phẩm của đề tài;  d) Đánh giá về ý nghĩa thực tiễn của đề tàivà khả năng chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài;  đ) Đánh giá kết quả vượt trội của đề tài.  3. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.  Căn cứ đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định. | “**Điều 17. Đánh giá kết quả đề tài**  1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.  2. Nội dung đánh giá kết quả đề tài  a) Việc tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài.  b) Kết quả khoa học đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp (giải pháp khoa học và công nghệ để giải quyết vấn đề đặt ra, sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu – nếu có);  c) Kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài: Bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc in ấn); Bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; bằng độc quyền sáng chế/ bằng bảo hộ giống cây trồng; bằng độc quyền giải pháp hữu ích;  d) Đánh giá về ý nghĩa thực tiễn, khả năng ứng dụng và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài;  đ) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt được, sản phẩm khoa học và công nghệ mới ở dạng mẫu (nếu có) với mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh;  3. Hội đồng khoa học đề nghị Quỹ thành lập tổ công tác kiểm tra thực tế, khảo sát đánh giá sản phẩm của đề tài (trong trường hợp cần thiết). Tổ công tác thực hiện việc kiểm tra, khảo sát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập.  4. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định. |  |
|  | Bổ sung Điều 18a như sau:  “**Điều 18a. Quản lý tài sản hình thành của đề tài**  Tài sản hình thành trong quá trình thực hiện đề tài sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.” |  |
|  | **Điều 18b. Trách nhiệm của Quỹ**  Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn đề tài; tổ chức thực hiện đề tài; đánh giá nghiệm thu, thanh lý đề tài; quản lý, theo dõi việc sử dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan. | NATIF: Bổ sung trách nhiệm của Quỹ => tiếp thu, viết theo TT 15. |
| **Điều 18. Công nhận và xử lý đánh giá kết quả đề tài**  1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện theo quy định tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.  2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài trên cơ sở đánh giá của Hội đồng khoa học và chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia cấp.  3. Quyết định công nhận kết quả thực hiện là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng.  4. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.  Trường hợp đề tài không đạt, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian hai (02) năm kể từ ngày có quyết định.  Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian năm (05) năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm.  5. Việc công bố và bàn giao kết quả đề tài được thực hiện theo các quy định hiện hành. | **Điều 18. Công nhận và xử lý đánh giá kết quả đề tài**  1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện theo quy định tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.  2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài trên cơ sở đánh giá của Hội đồng khoa học và chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia cấp.  3. Quyết định công nhận kết quả thực hiện là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng.  4. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành. Hội đồng quản lý Quỹ giao Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng để kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ kết quả kiểm tra, Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt phương án xử lý.  Trường hợp đề tài không đạt, hoặc chưa có bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng là sản phẩm của đề tài như đăng ký, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.  Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian năm (05) năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm.  5. Việc công bố và bàn giao kết quả đề tài được thực hiện theo các quy định hiện hành. |  |
| **Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài**  1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài:  a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ đề nghị tài trợ; cùng chủ nhiệm đề tài ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với Cơ quan điều hành Quỹ;  b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực theo hợp đồng để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện đề tài một cách hiệu quả;  c) Tiếp nhận, hỗ trợ chủ nhiệm đề tài trong việc quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, đảm bảo hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;  d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho Quỹ và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với đề tài;  đ) Cùng với chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đề tài;  e) Sử dụng chi phí quản lý từ kinh phí của đề tài cho các hoạt động quản lý chung, tài chính và hành chính liên quan đến đề tài theo quy định;  g) Thực hiện thủ tục đánh giá kết quả, nghiêm thu đề tài, thu hồi kinh phí (nếu có) theo quy định;  h) Tổ chức quản lý, khai thác kết quả của đề tài và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động này theo quy định;  i) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của đề tài theo quy định;  k) Thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định.  2. Tổ chức khoa học và công nghệ vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này không được đăng ký làm tổ chức chủ trì các đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 01 năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. | **Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài**  1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài:  a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ đề nghị tài trợ; cùng chủ nhiệm đề tài ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với Cơ quan điều hành Quỹ;  b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực theo hợp đồng để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện đề tài một cách hiệu quả;  c) Tiếp nhận, quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, đảm bảo hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;  d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho Quỹ và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với đề tài;  đ) Cùng với chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đề tài;  e) Sử dụng chi phí quản lý từ kinh phí của đề tài cho các hoạt động quản lý chung, tài chính và hành chính liên quan đến đề tài theo quy định;  g) Thực hiện thủ tục đánh giá kết quả, nghiêm thu đề tài, thu hồi kinh phí (nếu có) theo quy định;  h) Tổ chức quản lý, khai thác kết quả của đề tài và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động này theo quy định;  i) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của đề tài theo quy định;  k) Thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định.  l) Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong tổ chức triển khai nghiên cứu.  2. Tổ chức khoa học và công nghệ vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này không được đăng ký làm tổ chức chủ trì các đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 01 năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. | Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan của kết quả nghiên cứu. |
| **Điều 20. Trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài**  1. Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết.  2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí đề tài theo quy định.  3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện đề tài, sử dụng kinh phí, kết quả đề tài theo quy định của Quỹ.  4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định.  5. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, báo chí, sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. | **Điều 20. Trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài**  1. Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định.  2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí đề tài theo quy định.  3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện đề tài, sử dụng kinh phí, kết quả đề tài theo quy định của Quỹ.  4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định.  5. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ, đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;  6. Giới thiệu công khai trong tổ chức chủ trì các thông tin cập nhật về đề tài được Quỹ tài trợ, gồm tên đề tài, tổng kinh phí, thời gian thực hiện, chủ nhiệm và các thành viên đề tài, các kết quả nghiên cứu của đề tài trong suốt thời gian thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 10). | Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan của kết quả nghiên cứu. |
|  |  |  |
| **Mẫu ĐXTN-01** Phiếu khai hồ sơ  **Mẫu ĐXTN-02** Đơn đăng ký thực hiện  **Mẫu ĐXTN-03** Thuyết minh đề tài  **Mẫu ĐXTN-04** Thuyết minh đề tài tóm tắt  **Mẫu ĐXTN-05** Năng lực nghiên cứu và cơ sở vật chất của tổ chức chủ trì đề tài  **Mẫu ĐXTN-06** Lý lịch khoa học  **Mẫu ĐXTN-07** Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức phối hợp nghiên cứu thực hiện đề tài  **Mẫu ĐXTN-08** Văn bản của tổ chức thụ hưởng xác nhận khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu  **Mẫu ĐXTN-09** Hợp đồng nghiên cứu khoa học  **Mẫu ĐXTN-10** Báo cáo định kỳ  **Mẫu ĐXTN-11** Văn bản đề nghị đánh giá kết quả đề tài  **Mẫu ĐXTN-12** Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện | Các biểu mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BKHCN ngày 18/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ được sửa đổi, bổ sung theo các mẫu biểu được ban hành kèm theo Thông tư này:  a. Đơn đăng kí đề tài: Mẫu NAFOSTED01  b. Thuyết minh đề tài: Mẫu NAFOSTED 02  c. Lý lịch khoa học: Mẫu NAFOSTED03  e. Hợp đồng: Mẫu NAFOSTED05  f. Báo cáo định kỳ: Mẫu NAFOSTED06  g. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí Mẫu NAFOSTED07  h. Báo cáo tổng hợp: Mẫu NAFOSTED08  i. Công văn đề nghị điều chỉnh: Mẫu NAFOSTED09 | Điều chỉnh các biểu mẫu cho phù hợp với các quy định mới theo các thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC; điều chỉnh đơn và thuyết minh theo hướng tin học hóa tối đa. |
| **Thông tư số 09/2015/TT-BKHCN ngày 15/15/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ** | | |
| **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |  |  |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về tổ chức thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) hỗ trợ, bao gồm:  1. Tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.  2. Nghiên cứu sau tiến sĩ.  3. Thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài.  4. Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam.  5. Công bố công trình khoa học công nghệ trong nước và quốc tế.  6. Nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước.  7. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng.  8. Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác.  9. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về tổ chức thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) hỗ trợ, bao gồm:  1. Tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.  2. Nghiên cứu sau tiến sỹ.  3. Thực tập nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài.  4. Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam và các hội thảo nghiên cứu cơ bản chuyên ngành trong nước (theo chuỗi hội thảo hằng năm hoặc cách năm).  5. Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.  6. Nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước.  7. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng.  8. Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác.  9. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ tài trợ, hỗ trợ;  10. Nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn.  11. Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới. | 10. Nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn.  11. Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.  2. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại nước ngoài đăng ký chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ tại Việt Nam.  3. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.  2. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại nước ngoài đăng ký chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ tại Việt Nam.  3. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. |  |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  1. *Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế* là hoạt động được tổ chức theo hình thức gặp gỡ trực tiếp để cho các nhà khoa học có quốc tịch khác nhau, làm việc tại các quốc gia khác nhau trình bày và thảo luận về các kết quả nghiên cứu chuyên sâu ở một hoặc nhiều chủ đề hay chuyên ngành khoa học.  2. *Hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành* là hội thảo khoa học quốc tế chuyên sâu về một ngành khoa học nhất định.  3. *Nhà khoa học trẻ tài năng* là cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 23 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014.  4. *Tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí ISI có uy tín* là các tạp chí khoa học được quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 2 Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014.  5. *Tạp chí khoa học chuyên ngành* là tạp chí khoa học được xuất bản định kỳ, công bố các kết quả nghiên cứu chuyên sâu trong một ngành khoa học nhất định. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  “1. *Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế* là hoạt động được tổ chức theo hình thức gặp gỡ trực tiếp hoặc trực tuyến để cho các nhà khoa học có quốc tịch khác nhau, làm việc tại các quốc gia khác nhau trình bày và thảo luận về các kết quả nghiên cứu chuyên sâu ở một hoặc nhiều chủ đề hay chuyên ngành khoa học.  2. *Hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành* là hội thảo khoa học quốc tế chuyên sâu về một ngành khoa học nhất định.  3. *Nhà khoa học trẻ tài năng* là cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 23 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 (sửa đổi bởi Nghị định 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020).  4. *Tạp chí quốc tế có uy tín* là các tạp chí khoa học được xác định theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tài trợ.  5. *Tạp chí khoa học chuyên ngành* là tạp chí khoa học được xuất bản định kỳ, công bố các kết quả nghiên cứu chuyên sâu trong một ngành khoa học nhất định. |  |
| **Điều 4. Mục tiêu hỗ trợ**  Nâng cao năng lực, chất lượng nghiên cứu khoa học ở Việt Nam thông qua việc tạo môi trường thuận lợi để các nhà khoa học trao đổi khoa học, công bố kết quả nghiên cứu, hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học. | **Điều 4. Mục tiêu hỗ trợ**  Nâng cao năng lực, chất lượng nghiên cứu khoa học ở Việt Nam thông qua việc tạo môi trường thuận lợi để các nhà khoa học trao đổi khoa học, công bố kết quả nghiên cứu, hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học. |  |
| **Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ**  1. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng trong việc xét duyệt các đăng ký hỗ trợ; công khai chương trình và thủ tục hỗ trợ trên cổng thông tin điện tử của Quỹ.  2. Hỗ trợ các hoạt động có chất lượng cao theo chuẩn mực quốc tế trong nghiên cứu khoa học.  3. Tài trợ một phần kinh phí để hỗ trợ các hoạt động nêu tại Điều 1 của Thông tư này và không tài trợ trùng lặp các nội dung đã được tổ chức, cơ quan khác tài trợ.  4. Kinh phí hỗ trợ hàng năm cho các hoạt động nêu tại Điều 1 của Thông tư này không vượt quá tổng mức kinh phí được phê duyệt theo kế hoạch của Quỹ. | **Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ**  1. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng trong việc xét duyệt các đăng ký hỗ trợ; công khai chương trình và thủ tục hỗ trợ trên cổng thông tin điện tử của Quỹ; đánh giá chỉ dựa trên hồ sơ.  2. Hỗ trợ các hoạt động có chất lượng cao theo chuẩn mực quốc tế trong nghiên cứu khoa học.  3. Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đề thực hiện các hoạt động nêu tại Điều 1 Thông tư này và không trùng lặp với các nguồn tài trợ khác sử dụng ngân sách nhà nước. | Đánh giá chỉ dựa trên hồ sơ;  Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng,  Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. |
| **Chương II**  **NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ** |  |  |
| **Điều 6. Tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế**  Quỹ xem xét, hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, nhà khoa học tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành.  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  a) Đối với nhà khoa học trẻ đề nghị hỗ trợ tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế: Không quá 35 tuổi tại thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo, có báo cáo được chấp nhận trình bày (dưới dạng oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế do các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực tổ chức. Hội nghị, hội thảo phải có các nhà khoa học có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực tham dự và trình bày báo cáo, có trang tin điện tử để đưa tin, giới thiệu;  b) Đối với nhà khoa học đề nghị hỗ trợ tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành: Có công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc, được chấp nhận trình bày (dưới dạng oral presentation) tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành. Hội thảo phải được tổ chức định kỳ bởi các tổ chức uy tín trong lĩnh vực, có các nhà khoa học có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí ISI uy tín trong lĩnh vực tham dự và trình bày báo cáo, có trang tin điện tử để đưa tin, giới thiệu.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng hội nghị, hội thảo: đánh giá trên việc tổ chức hội nghị, hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội nghị, hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội nghị, hội thảo trước đó, chỉ số ảnh hưởng – nếu có);  b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;  c) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  a) Quỹ hỗ trợ cá nhân nhà khoa học tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế một (01) vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến nơi tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí đi lại ở hai đầu sân bay, chi phí ăn, ở, bảo hiểm trong thời gian tham dự hội nghị, hội thảo (không kể ngày đi về) và phí tham dự hội nghị, hội thảo theo quy định của ban tổ chức (nếu có);  b) Thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ đối với một nhà khoa học tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế không dưới 24 tháng (tính theo các thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo). Đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ không dưới 12 tháng.  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác, học tập theo Mẫu NCNLQG 01 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Thư mời trình bày báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo;  c) Báo cáo khoa học sẽ trình bày tại hội nghị, hội thảo;  d) Lý lịch khoa học của người nộp đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  đ) Các tài liệu chứng minh là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);  e) Dự toán kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ, trong đó nêu rõ các khoản chi phí được ban tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc các tổ chức khác cam kết tài trợ (nếu có) theo Mẫu NCNLQG 03 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Nơi nộp hồ sơ: Văn phòng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất hai (02) tháng trước ngày khai mạc hội nghị, hội thảo. | **Điều 6. Tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài**  Quỹ xem xét, hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, nhà khoa học tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành.  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  a) Đối với nhà khoa học trẻ đề nghị hỗ trợ tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế: Không quá 35 tuổi tại thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo, có báo cáo được chấp nhận trình bày (dưới dạng oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế do các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực tổ chức. Hội nghị, hội thảo phải có các nhà khoa học có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực tham dự và trình bày báo cáo, có trang tin điện tử để đưa tin, giới thiệu;  b) Đối với nhà khoa học đề nghị hỗ trợ tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành: Có công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc, được chấp nhận trình bày (dưới dạng oral presentation) tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành. Hội thảo phải được tổ chức định kỳ bởi các tổ chức uy tín trong lĩnh vực, có các nhà khoa học, người quản lý có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực tham dự và trình bày báo cáo, có trang tin điện tử để đưa tin, giới thiệu.  c) Nhà khoa học đề nghị hỗ trợ cần kê khai các nội dung trong công bố có liên quan đến các vấn đề đạo đức, an ninh, chính trị, chủ quyền, bí mật Nhà nước (nếu có) và cam kết công bố không vi phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề này.”  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng hội nghị, hội thảo: đánh giá trên việc tổ chức hội nghị, hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội nghị, hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội nghị, hội thảo trước đó, chỉ số ảnh hưởng – nếu có);  b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;  c) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  “a) Quỹ hỗ trợ cá nhân nhà khoa học công tác phí và phí tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế trong thời gian tham gia thực tế không quá 06 ngày chưa kể thời gian đi đường, thời gian quá cảnh theo quy định.  b) Thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ đối với một nhà khoa học tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế không dưới 24 tháng (tính theo các thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo). Đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ không dưới 12 tháng.  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác, học tập theo Mẫu NCNLQG 01 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Thư mời trình bày báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo;  c) Báo cáo khoa học sẽ trình bày tại hội nghị, hội thảo;  d) Lý lịch khoa học của người nộp đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  đ) Các tài liệu chứng minh là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);  e) Dự toán kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ, trong đó nêu rõ các khoản chi phí được ban tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc các tổ chức khác cam kết tài trợ (nếu có) theo Mẫu NCNLQG 03 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất hai (02) tháng trước ngày khai mạc hội nghị, hội thảo. | - Bổ sung quy định để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các vấn đề đạo đức, an ninh…  - Sửa nội dung hỗ trợ chi phí ăn ở trong thời gian tham dự hội nghị bao gồm cả thời gian di chuyển để phù hợp với thực tế triển khai chương trình, thuật ngữ trong quy định về tài chính  - Bổ sung quy định ưu tiên đối với NKH đoạt giải thưởng TQB, NKH được khen thưởng. |
| **Điều 7. Nghiên cứu sau tiến sĩ**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ tại Việt Nam:  a) Có Bằng Tiến sĩ và là tác giả chính của ít nhất một (01) bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Quỹ ưu tiên xem xét đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập;  b) Được một nhà khoa học của Việt Nam nhận bảo trợ thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ. Người bảo trợ nghiên cứu sau tiến sĩ phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn: i) Là tác giả chính của ít nhất một (01) bài báo khoa học đăng trên tạp chí ISI có uy tín trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ; ii) Không là người hướng dẫn nhà khoa học đề nghị hỗ trợ tại bậc đào tạo tiến sĩ;  c) Có tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam nhận làm đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ. Đơn vị chủ trì phải có đủ điều kiện cơ sở vật chất để triển khai nghiên cứu, đồng ý tiếp nhận người đến thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ và đồng ý hỗ trợ, tạo điều kiện, cho phép sử dụng trang thiết bị của đơn vị để triển khai nghiên cứu. Quỹ ưu tiên xem xét đối với trường hợp đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ khác với đơn vị đào tạo tiến sĩ của nhà khoa học đề nghị hỗ trợ.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;  b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;  c) Thành tích nghiên cứu của người bảo trợ; Sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị chủ trì nghiên cứu.  3. Nội dung hỗ trợ:  a) Quỹ hỗ trợ một lần chi phí đi lại trực tiếp tới đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ và ngược lại đối với người thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ không sống tại tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ;  b) Hỗ trợ sinh hoạt phí cho người thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ trong thời gian không quá 12 tháng. Trường hợp nhà khoa học hoàn thành đúng tiến độ chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ đã đăng ký, tiếp tục gửi hồ sơ đăng ký thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ được Quỹ ưu tiên xem xét hỗ trợ. Tổng thời gian Quỹ hỗ trợ cho một nhà khoa học thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ không quá 24 tháng.  4. Yêu cầu về kết quả thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ:  a) Là tác giả chính của ít nhất một (01) bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu đã đăng ký;  b) Các kết quả nghiên cứu có ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ.  5. Hồ sơ đăng ký gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ của người đăng ký thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ theo Mẫu NCNLQG 04 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Lý lịch khoa học của người đăng ký thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  c) Bản sao Bằng Tiến sĩ;  d) Các tài liệu chứng minh là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);  đ) Thuyết minh đề cương nghiên cứu sau tiến sĩ (làm rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, kế hoạch nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được) có xác nhận của người bảo trợ và đơn vị chủ trì nghiên cứu;  e) Đơn đề nghị hỗ trợ của người bảo trợ nghiên cứu sau tiến sĩ theo Mẫu NCNLQG 05 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  g) Lý lịch khoa học của người bảo trợ nghiên cứu sau tiến sĩ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  6. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Nơi nộp hồ sơ: Văn phòng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất ba (03) tháng trước ngày dự kiến bắt đầu thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ. | **Điều 7. Nghiên cứu sau tiến sĩ**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ tại Việt Nam:  a) Có Bằng Tiến sĩ trong thời gian năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ;  b) Là tác giả của ít nhất một (01) bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ;  c) Được một nhà khoa học của Việt Nam nhận bảo trợ thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ. Người bảo trợ nghiên cứu sau tiến sĩ phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn: i) Là tác giả chính của ít nhất hai (02) bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ; ii) Không là người hướng dẫn nhà khoa học đề nghị hỗ trợ tại bậc đào tạo tiến sĩ; iii) Có kinh nghiệm chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia hoặc tương đương.  d) Có tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam (không phải là với đơn vị đào tạo tiến sĩ hoặc đơn vị công tác của nhà khoa học đề nghị hỗ trợ) nhận làm đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ. Đơn vị chủ trì phải có đủ điều kiện cơ sở vật chất nguyên vật liệu và các điều kiện liên quan để triển khai nghiên cứu, đồng ý tiếp nhận người đến thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ và đồng ý hỗ trợ, tạo điều kiện để triển khai nghiên cứu.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;  b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;  c) Thành tích nghiên cứu của người bảo trợ; Sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị chủ trì nghiên cứu.  3. Nội dung hỗ trợ: Quỹ hỗ trợ tiền công lao động khoa học cho nhà khoa học thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ trong thời gian tối đa 24 tháng.  4. Yêu cầu về kết quả thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ:  a) Ít nhất 01 (một) bài báo gửi đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, đã được tạp chí chấp nhận gửi phản biện, có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu đã đăng ký do người thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ là tác giả chính;  b) Các kết quả nghiên cứu có ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ.  6. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: Theo kế hoạch tiếp nhận hồ sơ của Quỹ được thông báo trên trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng (nếu có). |  |
| **Điều 8. Thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ việc thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài đối với nhà khoa học đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Được tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài hoặc nhà khoa học nước ngoài có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mời thực tập, nghiên cứu;  b) Thuộc một trong các trường hợp sau:  - Đang thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc tương đương. Việc thực tập, nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề nghiên cứu của nhiệm vụ mà điều kiện trong nước không thực hiện được;  - Tham gia chương trình hợp tác giữa Quỹ và các tổ chức nước ngoài nhằm nâng cao năng lực và khả năng hợp tác nghiên cứu giữa nhà khoa học Việt Nam và quốc tế;  - Là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đăng ký thực hiện nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong lĩnh vực được Việt Nam ưu tiên phát triển tại thời điểm đăng ký.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;  b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;  c) Thành tích nghiên cứu của nhà khoa học đối tác nước ngoài; sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài;  d) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ hỗ trợ cá nhân nhà khoa học đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài một vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến đơn vị chủ trì nghiên cứu, chi phí đi lại ở hai đầu sân bay, chi phí ăn, ở, bảo hiểm trong thời gian ở nước ngoài.  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác theo Mẫu NCNLQG 06 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học theo Mẫu NCNLQG 07 quy định tại Phụ lục của Thông tư này. Nhà khoa học viết thư giới thiệu phải cùng chuyên môn với người đề nghị hỗ trợ, có học vị Tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  c) Thư mời hợp tác nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài hoặc thư chấp nhận hướng dẫn nghiên cứu của nhà khoa học nước ngoài có cùng chuyên ngành khoa học trong đó nêu rõ địa điểm, thời gian, nội dung thực tập, nghiên cứu và trách nhiệm chi trả các khoản kinh phí liên quan;  d) Thuyết minh đề cương nghiên cứu tại tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài (làm rõ mục tiêu, ý nghĩa, sự cần thiết của chuyến thực tập nghiên cứu, nội dung, phương pháp, kế hoạch nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được) được nhà khoa học đối tác nước ngoài chấp thuận;  đ) Lý lịch khoa học của người nộp đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  e) Các tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;  g) Dự toán kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ, trong đó nêu rõ các khoản chi phí được phía nước ngoài cam kết tài trợ (nếu có) theo Mẫu NCNLQG 08 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Nơi nộp hồ sơ: Văn phòng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày dự kiến bắt đầu thực hiện nghiên cứu ở nước ngoài. | **Điều 8. Thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ việc thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài đối với nhà khoa học đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Được trường đại học/ viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới hoặc nhà khoa học nước ngoài đứng đầu một đơn vị nghiên cứu thuộc trường đại học/ viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới mời thực tập, nghiên cứu;  b) Là tác giả chính của ít nhất một (01) bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  c) Thuộc một trong các trường hợp sau:  - Đang thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc tương đương. Việc thực tập, nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề nghiên cứu của nhiệm vụ mà điều kiện trong nước không thực hiện được;  - Tham gia chương trình hợp tác giữa Quỹ và các tổ chức nước ngoài nhằm nâng cao năng lực và khả năng hợp tác nghiên cứu giữa nhà khoa học Việt Nam và quốc tế;  - Là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đăng ký thực hiện nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong lĩnh vực được Việt Nam ưu tiên phát triển tại thời điểm đăng ký.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;  b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;  c) Thành tích nghiên cứu của nhà khoa học đối tác nước ngoài; sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức đối tác nước ngoài;  d) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  a) Quỹ hỗ trợ cá nhân nhà khoa học đi thực tập nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài tối đa 06 tháng tiền thuê phòng nghỉ; tiền ăn và tiêu vặt ở nước đi thực tập nghiên cứu; tiền bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trong thời gian ở nước đi thực tập nghiên cứu; chi phí đi lại khứ hồi từ Việt Nam đến đơn vị chủ trì nghiên cứu và ngược lại (lượt đi khi đến đơn vị thực tập nghiên cứu nhập học và lượt về khi kết thúc thực tập nghiên cứu trở về Việt Nam).  b) Thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ đối với một nhà khoa học đi thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài không dưới 24 tháng (tính từ thời điểm bắt đầu thực tập hợp tác nghiên cứu). Đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ không dưới 12 tháng.  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác theo Mẫu NCNLQG 06 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học theo Mẫu NCNLQG 07 quy định tại Phụ lục của Thông tư này. Nhà khoa học viết thư giới thiệu phải cùng chuyên môn với người đề nghị hỗ trợ, có học vị Tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  c) Thư mời hợp tác nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài hoặc thư chấp nhận hướng dẫn nghiên cứu của nhà khoa học nước ngoài có cùng chuyên ngành khoa học trong đó nêu rõ địa điểm, thời gian, nội dung thực tập, nghiên cứu và trách nhiệm chi trả các khoản kinh phí liên quan;  d) Thuyết minh đề cương nghiên cứu tại tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài (làm rõ mục tiêu, ý nghĩa, sự cần thiết của chuyến thực tập nghiên cứu, nội dung, phương pháp, kế hoạch nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được) được nhà khoa học đối tác nước ngoài chấp thuận;  đ) Lý lịch khoa học của người nộp đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  e) Các tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;  g) Dự toán kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ, trong đó nêu rõ các khoản chi phí được phía nước ngoài cam kết tài trợ (nếu có) theo Mẫu NCNLQG 08 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày dự kiến bắt đầu thực hiện nghiên cứu ở nước ngoài. |  |
| **Điều 9. Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành được tổ chức bởi các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực, có trang tin điện tử giới thiệu về hội thảo;  b) Có các nhà khoa học trong nước và nước ngoài có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực đăng ký tham dự và trình bày báo khoa học tại hội thảo;  c) Được các cơ quan khoa học và công nghệ và các tổ chức nghề nghiệp uy tín trong lĩnh vực bảo trợ;  d) Phù hợp với lĩnh vực hoạt động của đơn vị tổ chức.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng hội thảo: đánh giá dựa trên việc tổ chức hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội thảo trước đó);  b) Ý nghĩa của hội thảo đối với lĩnh vực nghiên cứu tại Việt Nam;  c) Thành tích nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo;  d) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  Các nội dung được Quỹ hỗ trợ gồm chi phí phản biện báo cáo, in ấn kỷ yếu hội thảo (không quá 300 cuốn) và chi phí ăn, ở của chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo (không quá 10 người).  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức chủ trì theo Mẫu NCNLQG 09 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Quyết định cho phép tổ chức hội thảo của cấp có thẩm quyền;  c) Dự toán kinh phí tổ chức hội thảo, trong đó có dự toán chi tiết chi phí đề nghị Quỹ hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 10 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  d) Danh sách các nhà khoa học đăng ký tham gia hội thảo;  đ) Lý lịch khoa học và báo cáo khoa học (bản tiếng Anh) của các nhà khoa học nước ngoài đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Nơi nộp hồ sơ: Văn phòng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày khai mạc hội thảo. | **Điều 9. Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành được tổ chức bởi các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực, có trang tin điện tử giới thiệu về hội thảo;  b) Có các nhà khoa học trong nước và nước ngoài có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực đăng ký tham dự và trình bày báo khoa học tại hội thảo;  c) Được các cơ quan khoa học và công nghệ và các tổ chức nghề nghiệp uy tín trong lĩnh vực bảo trợ;  d) Phù hợp với lĩnh vực hoạt động của đơn vị tổ chức.  e) Đơn vị tổ chức hội thảo kê khai các nội dung trong hội thảo có liên quan đến các vấn đề đạo đức, an ninh, chính trị, chủ quyền, bí mật Nhà nước (nếu có) và cam kết không vi phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề này.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng hội thảo: đánh giá dựa trên việc tổ chức hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội thảo trước đó);  b) Ý nghĩa của hội thảo đối với lĩnh vực nghiên cứu tại Việt Nam;  c) Thành tích nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo;  d) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ hỗ trợ chi thuê chỗ ở, tiền ăn hàng ngày, chi phí đi lại (ở Việt Nam) của chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo (không quá 10 người)”.  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức chủ trì theo Mẫu NCNLQG 09 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Quyết định cho phép tổ chức hội thảo của cấp có thẩm quyền;  c) Dự toán kinh phí tổ chức hội thảo, trong đó có dự toán chi tiết chi phí đề nghị Quỹ hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 10 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  d) Danh sách các nhà khoa học đăng ký tham gia hội thảo;  đ) Lý lịch khoa học và báo cáo khoa học (bản tiếng Anh) của các nhà khoa học nước ngoài đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày khai mạc hội thảo. |  |
|  | **Điều 9a. Hỗ trợ tổ chức hội thảo nghiên cứu cơ bản chuyên ngành trong nước**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học nghiên cứu cơ bản chuyên ngành ở Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Hội thảo khoa học chuyên ngành được tổ chức bởi các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực, có trang tin điện tử giới thiệu về hội thảo;  b) Có các nhà khoa học trong nước có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực đăng ký tham dự và trình bày báo khoa học tại hội thảo;  c) Được các cơ quan khoa học và công nghệ và các tổ chức nghề nghiệp uy tín trong lĩnh vực bảo trợ;  d) Phù hợp với lĩnh vực hoạt động của đơn vị tổ chức.  e) Thuộc chuỗi hội thảo thường niên hoặc cách năm.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng hội thảo: đánh giá dựa trên việc tổ chức hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội thảo trước đó);  b) Ý nghĩa của hội thảo đối với lĩnh vực nghiên cứu tại Việt Nam;  c) Thành tích nghiên cứu của các nhà khoa học tham gia hội thảo;  d) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ hỗ trợ chi thuê chỗ ở, tiền ăn hàng ngày, chi phí đi lại (ở Việt Nam) của chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo (không quá 10 người)”  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức chủ trì theo Mẫu NCNLQG 09 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Quyết định cho phép tổ chức hội thảo của cấp có thẩm quyền;  c) Dự toán kinh phí tổ chức hội thảo, trong đó có dự toán chi tiết chi phí đề nghị Quỹ hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 10 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  d) Danh sách các nhà khoa học đăng ký tham gia hội thảo;  đ) Lý lịch khoa học và báo cáo khoa học của các nhà khoa học đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày khai mạc hội thảo. |  |
| **Điều 10. Công bố công trình khoa học công nghệ trong nước và quốc tế**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Công trình khoa học được Quỹ xem xét, hỗ trợ công bố cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Là kết quả của nghiên cứu được thực hiện tại Việt Nam;  b) Đã được công bố trên tạp chí ISI có uy tín;  c) Tác giả công trình chỉ rõ các nội dung trong công bố có liên quan đến các vấn đề đạo đức, an ninh, chính trị, chủ quyền, bí mật Nhà nước (nếu có) và cam kết công bố không vi phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề này.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  Chất lượng của tạp chí đăng tải công trình khoa học, được xác định thông qua chỉ số tác động và các xếp hạng quốc tế tại thời điểm công bố công trình.  3. Nội dung hỗ trợ:  a) Trường hợp công bố kết quả nghiên cứu của các đề tài, nhiệm vụ, dự án sử dụng ngân sách Nhà nước, thực hiện tại Việt Nam, Quỹ hỗ trợ phí đăng tải kết quả nghiên cứu;  b) Trường hợp công bố kết quả nghiên cứu do cá nhân nhà khoa học tự thực hiện, không sử dụng ngân sách Nhà nước, Quỹ hỗ trợ một phần công lao động khoa học hoàn thiện kết quả nghiên cứu, viết bài gửi đăng tạp chí và phí đăng tải kết quả nghiên cứu. Quỹ ưu tiên hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.  4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 11 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Lý lịch khoa học của tác giả theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  c) Các tài liệu chứng minh tác giả là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);  d) Bản sao công trình khoa học đã công bố;  đ) Các chứng từ hợp pháp chi trả phí công bố công trình khoa học.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Nơi nộp hồ sơ: Văn phòng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: tối đa sáu (06) tháng tính từ thời điểm công bố được ghi trên công trình. | **Điều 10. Công bố công trình khoa học công nghệ trong nước và quốc tế**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Công trình khoa học được Quỹ xem xét, hỗ trợ công bố cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Là kết quả của nghiên cứu do nhà khoa học Việt Nam chủ trì và được thực hiện tại Việt Nam;  b) Đã được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;  d) Người đăng ký hỗ trợ là tác giả chính của công trình;  e) Người đăng ký hỗ trợ kê khai các nội dung trong công bố có liên quan đến các vấn đề đạo đức, an ninh, chính trị, chủ quyền, bí mật Nhà nước (nếu có) và cam kết không vi phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề này.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  Chất lượng, ý nghĩa của công trình đề nghị hỗ trợ công bố; chất lượng của tạp chí đăng tải công trình khoa học.  3. Nội dung hỗ trợ: Quỹ hỗ trợ phí đăng tải kết quả nghiên cứu.  4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 11 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Lý lịch khoa học của tác giả theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  c) Các tài liệu chứng minh tác giả là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);  d) Bản sao công trình khoa học đã công bố;  đ) Các chứng từ hợp pháp chi trả phí công bố công trình khoa học.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: tối đa sáu (06) tháng tính từ thời điểm công bố được ghi trên công trình. |  |
| **Điều 11. Nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Tạp chí khoa học và công nghệ trong nước được Quỹ xem xét, hỗ trợ nâng cao chất lượng, chuẩn mực cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Là tạp chí khoa học chuyên ngành của Việt Nam, được xuất bản bằng tiếng Anh;  b) Tạp chí có quy trình nhận, thẩm định bản thảo và công bố bài báo theo chuẩn mực Quốc tế về xuất bản các công trình khoa học.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng hiện tại của tạp chí;  b) Kế hoạch nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí (Mục tiêu, nội dung rõ ràng; cách tiếp cận, kế hoạch phù hợp);  c) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ xem xét hỗ trợ các khoản sau đây:  a) Kinh phí đánh giá chất lượng của tạp chí (không quá một lần đánh giá trong hai (02) năm);  b) Phí xuất bản trong thời gian không quá hai (02) năm để các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới nhận xuất bản tạp chí;  c) Kinh phí thuê biên tập tiếng Anh trong thời gian không quá hai (02) năm.  4. Hồ sơ đăng ký:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 12 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Thuyết minh về tổ chức tạp chí, quy trình xuất bản công trình khoa học của tạp chí, kế hoạch nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí;  c) Lý lịch khoa học của các thành viên Ban biên tập Tạp chí theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  d) Kết quả đánh giá chất lượng tạp chí của một tổ chức đánh giá độc lập;  đ) Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 13 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Nơi nộp hồ sơ: Văn phòng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: theo nhu cầu của tổ chức đăng ký đề nghị hỗ trợ. | **Điều 11. Nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Tạp chí khoa học và công nghệ trong nước được Quỹ xem xét, hỗ trợ nâng cao chất lượng, chuẩn mực cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Là tạp chí khoa học chuyên ngành của Việt Nam, được xuất bản bằng tiếng Anh;  b) Tạp chí có quy trình nhận, thẩm định bản thảo và công bố bài báo theo chuẩn mực Quốc tế về xuất bản các công trình khoa học.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng hiện tại của tạp chí;  b) Kế hoạch nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí (Mục tiêu, nội dung rõ ràng; cách tiếp cận, kế hoạch phù hợp);  c) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ xem xét hỗ trợ các khoản sau đây:  a) Kinh phí đánh giá chất lượng của tạp chí (không quá một lần đánh giá trong hai (02) năm);  b) Phí xuất bản trong thời gian không quá hai (02) năm để các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới nhận xuất bản tạp chí;  c) Kinh phí thuê biên tập tiếng Anh trong thời gian không quá hai (02) năm.  4. Hồ sơ đăng ký:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 12 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Thuyết minh về tổ chức tạp chí, quy trình xuất bản công trình khoa học của tạp chí, kế hoạch nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí;  c) Lý lịch khoa học của các thành viên Ban biên tập Tạp chí theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  d) Kết quả đánh giá chất lượng tạp chí của một tổ chức đánh giá độc lập;  đ) Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 13 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: theo nhu cầu của tổ chức đăng ký đề nghị hỗ trợ. |  |
| **Điều 12. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ các trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Sáng chế, giống cây trồng là kết quả nghiên cứu tại Việt Nam;  b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng đã được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền;  c) Quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng hoàn toàn thuộc về tổ chức, cá nhân Việt Nam.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  Ý nghĩa, khả năng ứng dụng của sáng chế và giống cây trồng.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ hỗ trợ một lần phí đăng ký lần đầu quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng.  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 14 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Bản sao công trình khoa học đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;  c) Thuyết minh nêu rõ ý nghĩa, khả năng ứng dụng của sáng chế và giống cây trồng;  d) Bản sao văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng đã được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền;  đ) Lý lịch khoa học của các tác giả theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  e) Các chứng từ hợp pháp chi trả phí đăng ký lần đầu quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Nơi nộp hồ sơ: Văn phòng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: tối đa một (01) năm kể từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. | **Điều 12. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ các trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  a) Sáng chế, giống cây trồng là kết quả nghiên cứu tại Việt Nam;  b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng đã được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền;  c) Quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng hoàn toàn thuộc về tổ chức, cá nhân Việt Nam.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  Ý nghĩa, khả năng ứng dụng của sáng chế và giống cây trồng.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ hỗ trợ một lần phí đăng ký lần đầu quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng.  4. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 14 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Bản sao công trình khoa học đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;  c) Thuyết minh nêu rõ ý nghĩa, khả năng ứng dụng của sáng chế và giống cây trồng;  d) Bản sao văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng đã được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền;  đ) Lý lịch khoa học của các tác giả theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  e) Các chứng từ hợp pháp chi trả phí đăng ký lần đầu quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: tối đa một (01) năm kể từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. |  |
| **Điều 13. Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ nhà khoa học đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác:  a) Nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập;  b) Có nhu cầu sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ có ý nghĩa và thiết thực.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;  b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;  c) Sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của phòng thí nghiệm được đề nghị hỗ trợ sử dụng;  d) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại phòng thí nghiệm trong thời gian tối đa hai (02) năm, bao gồm:  a) Chi phí vận hành máy móc, thiết bị (bao gồm cả chi phí nhân công) tại phòng thí nghiệm được lãnh đạo đơn vị chủ quản phòng thí nghiệm phê duyệt;  b) Kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng trong quá trình thực hiện thí nghiệm; kinh phí thuê các dịch vụ được cung cấp bởi phòng thí nghiệm.  4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 15 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Lý lịch khoa học của người đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  c) Các tài liệu chứng minh là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập;  d) Thuyết minh nêu rõ ý nghĩa, sự cần thiết sử dụng phòng thí nghiệm, mục tiêu, nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu, dự kiến kết quả đạt được;  đ) Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 16 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Nơi nộp hồ sơ: Văn phòng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất ba (03) tháng trước ngày dự kiến sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác. | **Điều 13. Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác**  1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:  Quỹ xem xét, hỗ trợ nhà khoa học đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác:  a) Nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập;  b) Có nhu cầu sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ có ý nghĩa và thiết thực.  2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:  a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;  b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;  c) Sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của phòng thí nghiệm được đề nghị hỗ trợ sử dụng;  d) Dự toán kinh phí hợp lý.  3. Nội dung hỗ trợ:  Quỹ hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại phòng thí nghiệm trong thời gian tối đa hai (02) năm, bao gồm:  a) Chi phí vận hành máy móc, thiết bị (bao gồm cả chi phí nhân công) tại phòng thí nghiệm được lãnh đạo đơn vị chủ quản phòng thí nghiệm phê duyệt;  b) Kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng trong quá trình thực hiện thí nghiệm; kinh phí thuê các dịch vụ được cung cấp bởi phòng thí nghiệm.  4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 15 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  b) Lý lịch khoa học của người đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 02 quy định tại Phụ lục của Thông tư này;  c) Các tài liệu chứng minh là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập;  d) Thuyết minh nêu rõ ý nghĩa, sự cần thiết sử dụng phòng thí nghiệm, mục tiêu, nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu, dự kiến kết quả đạt được;  đ) Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ theo Mẫu NCNLQG 16 quy định tại Phụ lục của Thông tư này.  5. Đăng ký đề nghị hỗ trợ:  a) Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia;  b) Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất ba (03) tháng trước ngày dự kiến sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác. |  |
| **Điều 14. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ**  Hằng năm, Quỹ xem xét khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ.  1. Điều kiện xem xét khen thưởng:  a) Đối với cá nhân: Có kết quả nghiên cứu từ các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ được công bố trên tạp chí ISI có uy tín hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng, được Hội đồng Khoa học (quy định tại Điều 8 Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2014) giới thiệu, đề nghị Quỹ khen thưởng và đồng ý tham gia hoạt động khen thưởng của Quỹ;  b) Đối với tổ chức: Chủ trì thực hiện thành công, đúng quy định các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ, có cá nhân thuộc tổ chức được Quỹ khen thưởng và đồng ý tham gia hoạt động khen thưởng của Quỹ.  2. Tiêu chí xem xét khen thưởng:  a) Đối với cá nhân: Ý nghĩa, giá trị khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu đã công bố, đóng góp của cá nhân trong công bố theo giới thiệu của Hội đồng Khoa học;  b) Đối với tổ chức: Số lượng các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ đã chủ trì thực hiện thành công và thành tích nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc tổ chức tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ.  3. Hồ sơ phục vụ công tác xem xét khen thưởng của Quỹ bao gồm kết quả thực hiện các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ, đề nghị khen thưởng của Hội đồng Khoa học và xác nhận của tổ chức, cá nhân liên quan đồng ý tham gia hoạt động khen thưởng của Quỹ. Quỹ không yêu cầu tổ chức, cá nhân làm hồ sơ đăng ký đề nghị khen thưởng.  4. Hội đồng quản lý Quỹ tặng Giấy khen và tiền thưởng theo quy định hiện hành cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ. Thành tích khen thưởng của các tổ chức, cá nhân do Quỹ trao tặng được lưu hồ sơ tại Quỹ và sẽ được xem xét để ưu tiên trong xét duyệt và đánh giá kinh phí hồ sơ đăng ký đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ lần sau. | **Điều 14. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ**  Hằng năm, Quỹ xem xét khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ.  1. Điều kiện xem xét khen thưởng:  a) Đối với cá nhân: Có kết quả nghiên cứu từ các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế và giống cây trồng, được Hội đồng Khoa học ngành/ liên ngành của Quỹ giới thiệu, đề nghị Quỹ khen thưởng và đồng ý tham gia hoạt động khen thưởng của Quỹ;  b) Đối với tổ chức: Chủ trì thực hiện thành công, đúng quy định các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ, có cá nhân thuộc tổ chức được Quỹ khen thưởng và đồng ý tham gia hoạt động khen thưởng của Quỹ.  2. Tiêu chí xem xét khen thưởng:  a) Đối với cá nhân: Ý nghĩa, giá trị khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu đã công bố, đóng góp của cá nhân trong công bố theo giới thiệu của Hội đồng Khoa học;  b) Đối với tổ chức: Số lượng các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ đã chủ trì thực hiện thành công và thành tích nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc tổ chức tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ.  3. Hồ sơ phục vụ công tác xem xét khen thưởng của Quỹ bao gồm kết quả thực hiện các đề tài, nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ, đề nghị khen thưởng của Hội đồng Khoa học và xác nhận của tổ chức, cá nhân liên quan đồng ý tham gia hoạt động khen thưởng của Quỹ. Quỹ không yêu cầu tổ chức, cá nhân làm hồ sơ đăng ký đề nghị khen thưởng.  4. Hội đồng quản lý Quỹ tặng Giấy khen và tiền thưởng theo quy định hiện hành cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ. Thành tích khen thưởng của các tổ chức, cá nhân do Quỹ trao tặng được lưu hồ sơ tại Quỹ và sẽ được xem xét để ưu tiên trong xét duyệt và đánh giá kinh phí hồ sơ đăng ký đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ lần sau. |  |
|  | **Điều 15a. Nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn**  Quỹ thực hiện hỗ trợ nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn thông qua nội dung tiếp chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc, hợp tác nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ. |  |
|  | **Điều 15b. Nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt trình độ khu vực và thế giới**  1. Hằng năm, Quỹ tổ chức xác định các tổ chức nghiên cứu cơ bản của Việt Nam có tiềm năng đạt trình độ khu vực và thế giới và lựa chọn một số tổ chức để tiến hành hỗ trợ.  2. Quỹ hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tổ chức được lựa chọn tại Khoản 1 Điều này theo các nội dung sau:  a) Nâng cao tỷ lệ cán bộ nghiên cứu có học vị tiến sĩ;  b) Nâng cao năng suất công bố khoa học của cán bộ nghiên cứu toàn thời gian;  c) Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu cơ bản.  3. Hình thức hỗ trợ: Quỹ ưu tiên tài trợ đề tài nghiên cứu cơ bản và ưu tiên hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 10 Điều 1 Thông tư này cho các tổ chức được hỗ trợ. |  |
| **Chương III**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** |  |  |
| **Điều 15. Xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ**  1. Căn cứ các quy định trong Thông tư này, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi tới Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Cơ quan điều hành Quỹ không xem xét các hồ sơ không đầy đủ hoặc không đáp ứng quy định về thời hạn nộp hồ sơ hoặc thuộc các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư này.  Đối với các trường hợp sau đây, nếu hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến nhận xét phản biện của ít nhất hai (02) chuyên gia đánh giá:  a) Nghiên cứu sau tiến sĩ;  b) Thực tập nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;  c) Nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước;  d) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng;  đ) Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác.  2. Hồ sơ đáp ứng đầy đủ các quy định của Quỹ, được ít nhất 2/3 số chuyên gia đánh giá đề nghị hỗ trợ được Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hỗ trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Sau khi Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Cơ quan điều hành Quỹ thông báo kết quả trực tiếp cho cá nhân, tổ chức có hồ sơ được chấp nhận hỗ trợ. Quỹ không trả lại hồ sơ đăng ký đối với các trường hợp không được chấp nhận hỗ trợ.  4. Thời gian xử lý và thông báo kết quả xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Quỹ tối đa là ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi Quỹ nhận được hồ sơ đăng ký.  5. Việc xem xét khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ sẽ được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần. Quỹ thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân được Hội đồng quản lý Quỹ khen thưởng, tổ chức trao thưởng và công khai các kết quả khen thưởng trên cổng thông tin điện tử của Quỹ. | Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “**Điều 15. Xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ**  1. Căn cứ các quy định trong Thông tư này, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi tới Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Cơ quan điều hành Quỹ không xem xét các hồ sơ không đầy đủ hoặc không đáp ứng quy định về thời hạn nộp hồ sơ hoặc thuộc các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư này.  a) Đối với các trường hợp sau đây, nếu hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến nhận xét phản biện của ít nhất hai (02) chuyên gia đánh giá:  - Thực tập nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;  - Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng;  - Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác.  b) Đối với các trường hợp sau đây, nếu hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành xem xét và thẩm định hồ sơ thông qua các Hội đồng khoa học ngành/ liên ngành/ liên lĩnh vực của Quỹ và chuyên gia phản biện:  - Nghiên cứu sau tiến sĩ;  - Nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước;  - Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ;  c) Quỹ ưu tiên hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học đoạt giải thưởng Tạ Quang Bửu, nhà khoa học có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ được Quỹ khen thưởng.  2. Hồ sơ đáp ứng đầy đủ các quy định của Quỹ, được ít nhất 2/3 số chuyên gia đánh giá và được Hội đồng khoa học đề nghị hỗ trợ (trong trường hợp đánh giá thông qua chuyên gia/ Hội đồng khoa học) được Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hỗ trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Sau khi Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Cơ quan điều hành Quỹ thông báo kết quả trực tiếp cho cá nhân, tổ chức có hồ sơ được chấp nhận hỗ trợ. Quỹ không trả lại hồ sơ đăng ký đối với các trường hợp không được chấp nhận hỗ trợ.  4. Thời gian xử lý và thông báo kết quả xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Quỹ tối đa là:  - Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi Quỹ nhận được hồ sơ đăng ký đối với các hồ sơ không yêu cầu đánh giá thông qua chuyên gia phản biện và Hội đồng khoa học.  - Hai (02) tháng đối với các hồ sơ có yêu cầu đánh giá thông qua chuyên gia phản biện.  - Ba (03) tháng đối với các hồ sơ có yêu cầu đánh giá thông qua chuyên gia phản biện và Hội đồng khoa học.  5. Việc xem xét hỗ trợ nghiên cứu sau tiến sĩ; khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ; xác định các tổ chức nghiên cứu cơ bản của Việt Nam có tiềm năng đạt trình độ khu vực và thế giới sẽ được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần. Quỹ thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hỗ trợ, khen thưởng; tổ chức trao thưởng và công khai các kết quả khen thưởng trên cổng thông tin điện tử của Quỹ. |  |
|  | **Điều 16a. Trách nhiệm của Quỹ**  Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn hồ sơ đề nghị hỗ trợ; quản lý, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các hoạt động được hỗ trợ và và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan. |  |
| **Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ**  1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ:  a) Triển khai thực hiện các nội dung được hỗ trợ theo kế hoạch và tiến độ đã được Quỹ phê duyệt ;  b) Sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả; cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ và tiến hành thanh quyết toán theo đúng các quy định hiện hành;  c) Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của nước sở tại trong thời gian ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động được Quỹ hỗ trợ;  d) Gửi báo cáo bằng văn bản tới Quỹ về tình hình, kết quả thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ được Quỹ hỗ trợ theo mẫu NCNLQG 17 quy định tại Phụ lục của Thông tư này trong thời gian một (01) tháng sau khi kết thúc nhiệm vụ và giao nộp cho Quỹ các kết quả liên quan sau khi hoàn thành.  Báo cáo kết quả thực tập, nghiên cứu ở nước ngoài và báo cáo của nhà khoa học trẻ tài năng được Quỹ hỗ trợ sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác phải thể hiện rõ đã thực hiện đúng tiến độ, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong Thuyết minh đề cương nghiên cứu và phải có xác nhận của nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài mời thực tập, nghiên cứu hoặc đơn vị chủ quản phòng thí nghiệm;  đ) Ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ trong các kết quả nghiên cứu được công bố (ghi rõ "Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)"), chịu trách nhiệm về nội dung công bố theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.  2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định khác của Quỹ không được đăng ký đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ trong thời gian hai (02) năm tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp vi phạm dẫn đến việc đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc vi phạm đạo đức khoa học không được đăng ký đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ trong thời gian năm (05) năm tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Nếu vi phạm được xác định có liên quan trực tiếp với các khen thưởng Quỹ đã trao tặng, Quỹ ra quyết định hủy bỏ các khen thưởng này. | **Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ**  1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ:  a) Triển khai thực hiện các nội dung được hỗ trợ theo kế hoạch và tiến độ đã được Quỹ phê duyệt ;  b) Sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả; cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ và tiến hành thanh quyết toán theo đúng các quy định hiện hành;  c) Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của nước sở tại trong thời gian ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động được Quỹ hỗ trợ;  d) Gửi báo cáo bằng văn bản tới Quỹ về tình hình, kết quả thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ được Quỹ hỗ trợ theo mẫu NCNLQG 17 quy định tại Phụ lục của Thông tư này trong thời gian một (01) tháng sau khi kết thúc nhiệm vụ và giao nộp cho Quỹ các kết quả liên quan sau khi hoàn thành.  Báo cáo kết quả thực tập, nghiên cứu ở nước ngoài và báo cáo của nhà khoa học trẻ tài năng được Quỹ hỗ trợ sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác phải thể hiện rõ đã thực hiện đúng tiến độ, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong Thuyết minh đề cương nghiên cứu và phải có xác nhận của nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài mời thực tập, nghiên cứu hoặc đơn vị chủ quản phòng thí nghiệm;  đ) Chịu trách nhiệm về nội dung công bố theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam; ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ trong các kết quả nghiên cứu được công bố (ghi rõ "Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)") trừ trường hợp đề nghị hỗ trợ kinh phí Công bố công trình khoa học công nghệ trong nước và quốc tế.  2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định khác của Quỹ không được đăng ký đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ trong thời gian hai (02) năm tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp vi phạm dẫn đến việc đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc vi phạm đạo đức khoa học không được đăng ký đề nghị Quỹ tài trợ, hỗ trợ trong thời gian năm (05) năm tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Nếu vi phạm được xác định có liên quan trực tiếp với các khen thưởng Quỹ đã trao tặng, Quỹ ra quyết định hủy bỏ các khen thưởng này. |  |
| **Chương IV**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **Chương IV**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
| **Điều 17. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015. Quy định Tài trợ hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 15 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.  2. Các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học do Quỹ phê duyệt hỗ trợ trước ngày có hiệu lực của Thông tư này và các đề xuất hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học đã gửi đến Quỹ nhưng chưa được Quỹ xem xét phê duyệt khi Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quy định Tài trợ hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 15 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.  3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định./. | **Điều 17. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015. Quy định Tài trợ hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 15 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.  2. Các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học do Quỹ phê duyệt hỗ trợ trước ngày có hiệu lực của Thông tư này và các đề xuất hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học đã gửi đến Quỹ nhưng chưa được Quỹ xem xét phê duyệt khi Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quy định Tài trợ hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 15 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.  3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định./. |  |
| **BIỂU MẪU** |  |  |
| a) Mẫu NCNLQG 11. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí công bố công trình khoa học công nghệ | 8. Các biểu mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BKHCN ngày 15/15/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ được sửa đổi, bổ sung theo các mẫu biểu được ban hành kèm theo Thông tư này. |  |
| **Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN Quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ** | | |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định về quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng (sau đây gọi là đề tài) do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ) tài trợ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y, dược, khoa học nông nghiệp (sau đây gọi là khoa học tự nhiên và kỹ thuật); khoa học xã hội, khoa học nhân văn (sau đây gọi là khoa học xã hội và nhân văn).  2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam tham gia đăng ký, thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ tài trợ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định về quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng (sau đây gọi là đề tài) do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ) tài trợ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y, dược, khoa học nông nghiệp (sau đây gọi là khoa học tự nhiên và kỹ thuật); khoa học xã hội, khoa học nhân văn (sau đây gọi là khoa học xã hội và nhân văn).  2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam tham gia đăng ký, thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ tài trợ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | . |
| **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  1. Các khái niệm tạp chí quốc gia có uy tín, tạp chí quốc tế có uy tín được xác định theo quy định tại Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.  2. Kết quả nghiên cứu được ứng dụng là kết quả nghiên cứu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:  a) Được áp dụng vào thực tiễn và được tổ chức, cá nhân áp dụng xác nhận bằng văn bản;  b) Được đưa vào triển khai thực nghiệm hoặc sản xuất thử nghiệm trong các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc do doanh nghiệp thực hiện;  c) Được trích dẫn nhằm cải tiến hoặc áp dụng trong ít nhất 02 (hai) công trình công bố trên tạp chí quốc gia, tạp chí quốc tế có uy tín của nhóm nghiên cứu khác. | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  “1. Khái niệm tạp chí tạp chí quốc tế có uy tín được xác định theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.  2. Kết quả nghiên cứu được ứng dụng là kết quả nghiên cứu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:  a) Được áp dụng vào thực tiễn và được tổ chức, cá nhân áp dụng xác nhận bằng văn bản;  b) Được đưa vào triển khai thực nghiệm hoặc sản xuất thử nghiệm trong các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc do doanh nghiệp thực hiện;  c) Được trích dẫn nhằm cải tiến hoặc áp dụng trong ít nhất 02 (hai) công trình công bố trên tạp chí quốc gia, tạp chí quốc tế có uy tín của nhóm nghiên cứu khác. |  |
| **Điều 3. Nguyên tắc quản lý đề tài**  1. Quỹ thực hiện đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài theo  các nguyên tắc sau đây:  a) Đánh giá thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là  Hội đồng khoa học) bao gồm các chuyên gia cùng ngành, liên ngành do Quỹ  thành lập và chuyên gia tư vấn độc lập (khi cần thiết);  b) Đánh giá dựa trên hồ sơ;  c) Bảo đảm tính khách quan, dân chủ, bình đẳng;  d) Bảo đảm chất lượng nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế.  2. Các đề tài được lựa chọn để tài trợ đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Phù hợp với định hướng nghiên cứu ứng dụng do Quỹ ban hành;  b) Phát triển, áp dụng các kết quả nghiên cứu cơ bản hoặc xác định những  phương pháp, cách thức mới để giải quyết những vấn đề cụ thể, phục vụ con người và xã hội.  3. Việc quản lý kinh phí đề tài thực hiện theo Thông tư liên tịch số  55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và  Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan. | **Điều 3. Nguyên tắc quản lý đề tài**  1. Quỹ thực hiện đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài theo  các nguyên tắc sau đây:  a) Đánh giá thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) bao gồm các chuyên gia cùng ngành, liên ngành do Quỹ thành lập và chuyên gia tư vấn độc lập (khi cần thiết);  b) Đánh giá dựa trên hồ sơ;  c) Bảo đảm tính khách quan, dân chủ, bình đẳng;  d) Bảo đảm chất lượng nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế.  2. Các đề tài được lựa chọn để tài trợ đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Phù hợp với định hướng nghiên cứu ứng dụng do Quỹ ban hành;  b) Phát triển, áp dụng các kết quả nghiên cứu cơ bản hoặc xác định những phương pháp, cách thức mới để giải quyết những vấn đề cụ thể, phục vụ con người và xã hội.  3. Việc quản lý kinh phí đề tài thực hiện theo các quy định hiện hành. |  |
| **Điều 4. Tài trợ hoạt động hợp tác quốc tế trong đề tài**  Quỹ tài trợ thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế trong đề tài đối với các nội dung sau đây:  1. Cử thành viên tham gia thực hiện đề tài đi nghiên cứu các nội dung của đề tài ở nước ngoài trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng;  2. Tiếp nhận chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc, hợp tác nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài. | **Điều 4. Tài trợ hoạt động hợp tác quốc tế trong đề tài**  Quỹ tài trợ thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế trong đề tài đối với các nội dung sau đây:  1. Cử thành viên tham gia thực hiện đề tài đi nghiên cứu các nội dung của đề tài ở nước ngoài trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng;  2. Tiếp nhận chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc, hợp tác nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài.  3. Tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài nhằm trình bày các kết quả của đề tài. |  |
| **Điều 5. Chuyên gia đánh giá**  1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:  a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài: có kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong thời gian 05 (năm) năm gần nhất; hoặc là tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian 05 (năm) năm gần nhất hoặc có kết quả nghiên cứu được ứng dụng và kết quả nghiên cứu đó được công bố trong thời gian 10 (mười) năm gần nhất. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định. Chuyên gia đánh giá là nhà quản lý phải hoạt động trong lĩnh vực hoặc làm việc/công tác liên quan đến vấn đề nghiên cứu.  b) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.  2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan về đề tài.  3. Chuyên gia đánh giá không tham gia đánh giá đề tài do mình đăng ký làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, đề tài do tổ chức nơi mình công tác đăng ký chủ trì, đề tài mà chuyên gia có quyền và lợi ích liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của việc đánh giá. | **Điều 5. Chuyên gia đánh giá**  1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá khoa học và công nghệ liên quan đến các chương trình tài trợ, hỗ trợ của Quỹ. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:  a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kết quả nghiên cứu chuyên môn phù hợp được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong 05 năm gần nhất. Chuyên gia đánh giá là nhà quản lý phải hoạt động trong lĩnh vực hoặc làm việc/công tác liên quan đến vấn đề nghiên cứu, có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm công tác quản lý. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;  b) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.  2. Chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan công việc tư vấn, đánh giá.  3. Chuyên gia đánh giá không tham gia các hoạt động tư vấn, đánh giá khoa học và công nghệ nếu có quyền, lợi ích hoặc xung đột liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá. | - NATIF: thêm quy định về cơ sở dữ liệu chuyên gia cho đồng bộ với TT NCCB => tiếp thu. |
| **Điều 6. Hội đồng khoa học**  1. Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây: a) Hướng nghiên cứu ứng dụng do Quỹ tài trợ;  b) Đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài;  c) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.  2. Hội đồng khoa học bao gồm các thành viên là các nhà khoa học, nhà quản lý. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:  a) Đáp ứng các tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này;  b) Được các nhà khoa học, nhà quản lý trong cùng lĩnh vực chuyên môn tín nhiệm giới thiệu;  c) Thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ;  d) Cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ.  3. Hội đồng khoa học hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. | **Điều 6. Hội đồng khoa học**  1. Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:  a) Định hướng hoạt động tài trợ nghiên cứu ứng dụng của Quỹ;  b) Đánh giá khoa học;  c) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.  2. Hội đồng khoa học bao gồm các thành viên là các nhà khoa học, nhà quản lý. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:  a) Đáp ứng các tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này;  b) Được các nhà khoa học, nhà quản lý trong cùng lĩnh vực chuyên môn tín nhiệm giới thiệu;  c) Cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ.  3. Hội đồng khoa học hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. | Sửa điểm a, b khoản 1, bãi bỏ điểm c khoản 2 |
| **Điều 7. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài**  1. Hằng năm, Quỹ thông báo các hướng nghiên cứu ứng dụng do Quỹ tài trợ, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan và thời hạn nộp hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.  2. Căn cứ thông báo của Quỹ, các tổ chức, cá nhân nhà khoa học đề xuất đề tài, lập Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài và gửi đến Quỹ theo quy định.  3. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài gồm 01 (một) bộ hồ sơ bản giấy và hồ sơ điện tử mẫu được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:  a) Đơn đăng ký đề tài (Mẫu NCUD01);  b) Thuyết minh đề tài (Mẫu NCUD02);  c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và các thành viên (Mẫu NCUD03) và các tài liệu chứng minh thành tích nghiên cứu;  d) Tài liệu liên quan khác nếu tổ chức, cá nhân thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ.  4. Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Văn phòng Quỹ hoặc qua đường bưu điện (đối với hồ sơ bản giấy) và đường điện tử (đối với hồ sơ bản điện tử) trong thời hạn theo thông báo của Quỹ.  Hồ sơ có đầy đủ các biểu mẫu và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này sẽ được Quỹ xác nhận về việc tiếp nhận hồ sơ (bản giấy nếu nộp trực tiếp, bản điện tử nếu nộp qua đường bưu điện). | Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:  **Điều 7. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài**  1. Hằng năm, Quỹ thông báo các hướng nghiên cứu ứng dụng do Quỹ tài trợ, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan và thời hạn nộp hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.  2. Căn cứ thông báo của Quỹ, các tổ chức, cá nhân nhà khoa học đề xuất đề tài, lập Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài và gửi đến Quỹ theo quy định.  3. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài bao gồm:  a) Đơn đăng ký đề tài (Mẫu NAFOSTED01);  b) Thuyết minh đề tài (NAFOSTED02);  c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và các thành viên (Mẫu NAFOSTED03) và các tài liệu chứng minh thành tích nghiên cứu;  d) Tài liệu liên quan khác nếu tổ chức, cá nhân thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ.  e) Phiếu khai hồ sơ: Mẫu NAFOSTED04;  4. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này và được nộp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Quỹ hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia. | Chỉnh sửa hồ sơ và phương thức nộp hồ sơ theo hướng tin học hóa. |
| **Điều 8. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài**  1. Đối với tổ chức chủ trì đề tài:  Có tư cách pháp nhân, có năng lực hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài, có đủ các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu của đề tài.  2. Đối với chủ nhiệm đề tài:  a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài;  b) Có năng lực nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đề tài: Trình độ từ đại học trở lên và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:  - Có kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc là tác giả sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian năm 05 (năm) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  - Có kết quả nghiên cứu đã được công bố (bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc quốc gia có uy tín, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng) trong thời gian 10 (mười) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ được ứng dụng;  c) Có đủ thời gian để hoàn thành nội dung nghiên cứu của đề tài theo quy định. Trường hợp chủ nhiệm đề tài đi công tác, làm việc tại nước ngoài, tổng thời gian ở nước ngoài không quá 1/3 thời gian thực hiện đề tài.  3. Thành viên nhóm nghiên cứu đề tài phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, bao gồm:  a) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học: có trình độ từ đại học trở lên; có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài được công bố trên các tạp chí quốc gia hoặc quốc tế có uy tín hoặc có bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian 05 (năm) năm tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;  b) Thành viên có trình độ từ đại học trở lên và có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài được công bố trên tạp chí quốc gia hoặc quốc tế, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng;  c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác.  4. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ (trừ trường hợp là nhiệm vụ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn). | **Điều 8. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài**  1. Đối với tổ chức chủ trì đề tài:  Có tư cách pháp nhân, có năng lực hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài, có đủ các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu của đề tài.  2. Đối với chủ nhiệm đề tài:  a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài;  b) Có năng lực nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đề tài: có học vị tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:  - Là tác giả chính của kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc là tác giả sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian năm 05 (năm) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;  - Là tác giả chính của kết quả nghiên cứu đã được công bố (bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng) trong thời gian 10 (mười) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ được ứng dụng;  c) Có đủ thời gian để hoàn thành nội dung nghiên cứu của đề tài theo quy định. Trường hợp chủ nhiệm đề tài đi công tác, làm việc tại nước ngoài, tổng thời gian ở nước ngoài không quá 1/3 thời gian thực hiện đề tài.  3. Thành viên nhóm nghiên cứu đề tài phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, bao gồm:  a) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học: có học vị tiến sĩ; có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín hoặc có bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong thời gian 05 (năm) năm tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;  b) Thành viên có trình độ từ đại học trở lên và có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài được công bố trên tạp chí quốc gia hoặc quốc tế, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng;  c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác.  4. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 (một) đề tài do Quỹ tài trợ hoặc đề tài cấp quốc gia và tương đương khác. Trường hợp đặc biệt (cần đảm nhiệm thêm vai trò chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn), do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. | Sửa điều kiện CNDT, thành viên đề tài. |
| **Điều 9. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả của đề tài**  1. Thời gian thực hiện đề tài không quá 36 (ba mươi sáu) tháng (không kể thời gian gia hạn).  2. Kết quả của đề tài:  a) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, kết quả của đề tài là những phương pháp, cách thức mới để giải quyết các vấn đề về xã hội, con người;  b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, kết quả của đề tài là công nghệ mới, bao gồm bí quyết kỹ thuật, phương án, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.  3. Sản phẩm của đề tài trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:  a) 02 (hai) bằng độc quyền sáng chế hoặc 02 (hai) bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc 01 (một) bằng độc quyền sáng chế và 01 (một) bằng bảo hộ giống cây trồng;  b) 01 (một) bằng độc quyền sáng chế hoặc 01 (một) bằng bảo hộ giống cây trồng; và 01 (một) bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc 01 (một) bằng bảo hộ độc quyền giải pháp hữu ích. Trường hợp chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng và kết quả tra cứu khả năng bảo hộ từ các cơ quan, tổ chức có chứng nhận hoạt động hợp pháp.  4. Sản phẩm của đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:  a) 02 (hai) bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;  b) 01 (một) bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín và 01 (một) bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín; Trường hợp do đặc thù của vấn đề nghiên cứu không thể công bố trên các tạp chí quốc tế thì sản phẩm đề tài phải có ít nhất 01 (một) sách chuyên khảo (đã xuất bản) và 02 (hai) bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín. Hội đồng khoa học đánh giá xét chọn đề xuất các trường hợp này để Quỹ xem xét, quyết định.  5. Chủ nhiệm đề tài là tác giả của ít nhất 01 (một) bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc 01 (một) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc 01 (một) bằng bảo hộ giống cây trồng từ kết quả của đề tài.  6. Công trình khoa học là sản phẩm của đề tài quy định tại Điều này phải được ghi rõ là kết quả nghiên cứu của đề tài được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ. | **Điều 9. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả của đề tài**  1. Thời gian thực hiện đề tài  a) Thời gian thực hiện đề tài bao gồm thời gian đăng ký thực hiện đề tài và thời gian gia hạn thực hiện đề tài nếu có.  b) Thời gian đăng ký thực hiện đề tài không quá 48 tháng.  2. Kết quả của đề tài:  Giải pháp chính trị - kinh tế - xã hội (Cơ sở lý luận, khoa học, dữ liệu); giải pháp khoa học - kỹ thuật có tính ứng dụng cho các đối tượng, mục tiêu cụ thể.  3. Sản phẩm công bố của đề tài: Ít nhất 02 bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc 02 bài báo quốc tế có uy tín (đối với các lĩnh vực nghiên cứu không có khả năng được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ) về các kết quả đề tài nêu tại Khoản 2 Điều này.  Trường hợp chưa được cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng thì phải có thông báo chấp nhận đơn và minh chứng về việc tiếp nhận yêu cầu thẩm định nội dung của cơ quan có thẩm quyền cấp bằng độc quyền sáng chế/bằng bảo hộ giống cây trồng.  4. Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính, thành viên chính của đề tài là tác giả của các sản phẩm công bố là kết quả của đề tài.  5. Các sản phẩm công bố của đề tài phải ghi nhận tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu. Trường hợp sản phẩm công bố của đề tài ghi nhận tài trợ của các tổ chức khác ngoài Quỹ cần có giải thích chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cung cấp đầy đủ minh chứng liên quan phục vụ đánh giá đề tài và nhóm nghiên cứu.. |  |
| **Điều 10. Phương thức, tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài**  1. Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.  2. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài:  a) Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu và sự phù hợp với hướng nghiên cứu ứng dụng được Quỹ tài trợ;  b) Tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học, khả năng được ứng dụng của vấn đề nghiên cứu được đề xuất, ý nghĩa thực tiễn và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội;  c) Mục tiêu, nội dung rõ ràng; phương pháp và kế hoạch nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu; kết quả dự kiến, khả năng thành công của đề tài; dự toán kinh phí nghiên cứu hợp lý;  d) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài;  đ) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của các thành viên tham gia thực hiện; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu.  3. Hội đồng khoa học đánh giá xét chọn đề tài theo phương thức do Hội đồng quản lý Quỹ quy định trong Quy chế làm việc của Hội đồng khoa học. | **Điều 10. Phương thức, tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài**  1. Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 6 của Thông tư này.  2. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài:  a) Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu và sự phù hợp với hướng nghiên cứu ứng dụng được Quỹ tài trợ;  b) Tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học, khả năng được ứng dụng của vấn đề nghiên cứu được đề xuất, ý nghĩa thực tiễn và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội;  c) Mục tiêu, nội dung rõ ràng; phương pháp và kế hoạch nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu; kết quả dự kiến, khả năng thành công của đề tài; dự toán kinh phí nghiên cứu hợp lý;  d) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài;  đ) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của các thành viên tham gia thực hiện; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu.  3. Hội đồng khoa học đánh giá xét chọn đề tài theo phương thức do Hội đồng quản lý Quỹ quy định trong Quy chế làm việc của Hội đồng khoa học. |  |
| **Điều 11. Thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục đề tài**  1. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của đề tài được Hội đồng khoa học đề nghị tài trợ theo quy định của Quỹ.  Cơ quan điều hành Quỹ lập báo cáo kết quả đánh giá xét chọn đề tài, nhận xét về sự phù hợp của quá trình đánh giá xét chọn, thẩm định và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.  2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn, thẩm định đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Trong thời gian 05 (năm) tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử, gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt.  4. Trong thời gian kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục các đề tài được tài trợ đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện, Quỹ có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt tài trợ cho đề tài thuộc một trong các trường hợp sau:  a) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đề tài có giả mạo, gian lận hoặc khai báo không trung thực trong hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài;  b) Vi phạm các yêu cầu đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài;  c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện đề tài từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;  d) Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng theo yêu cầu.  Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành. | **Điều 11. Thẩm định, phê duyệt và công bố danh mục đề tài**  1. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của đề tài được Hội đồng khoa học đề nghị tài trợ theo quy định của Quỹ.  Cơ quan điều hành Quỹ lập báo cáo kết quả đánh giá xét chọn đề tài, nhận xét về sự phù hợp của quá trình đánh giá xét chọn, thẩm định và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.  2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn, thẩm định đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục kinh phí các đề tài được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Trong thời gian 05 (năm) tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử. | Bỏ khoản 4 |
| **Điều 12. Hợp đồng nghiên cứu khoa học**  1. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành trao đổi, thống nhất, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt (Mẫu NCUD04) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.  2. Trong thời gian 03 (ba) tháng kể từ thời điểm Quỹ gửi Thông báo tài trợ, nếu chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hủy bỏ việc tài trợ đối với đề tài.  3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.  4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh có thể làm thay đổi nội dung của hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định. | **Điều 12. Hợp đồng nghiên cứu khoa học**  1. Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt; tiến hành trao đổi, thống nhất, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt (Mẫu NAFOSTED05) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.  2. Trong thời gian 03 (ba) tháng kể từ thời điểm Quỹ gửi Thông báo tài trợ, nếu chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hủy bỏ việc tài trợ đối với đề tài.  3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.  4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh có thể làm thay đổi nội dung của hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định. |  |
| **Điều 13. Báo cáo và đánh giá định kỳ**  1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài (Mẫu NCUD05) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi đến Quỹ theo quy định.  2. Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài; trong trường hợp cần thiết, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài.  Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.  3. Kết quả đánh giá định kỳ và kiểm tra thực tế được thông báo tới chủ nhiệm đề tài là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành. | **Điều 13. Báo cáo và đánh giá định kỳ**  1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NAFOSTED06, Mẫu NAFOSTED07), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.  2. Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng đánh giá định kỳ để đánh giá về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài. Thành phần, phương thức làm việc của Hội đồng đánh giá định kỳ do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.  Trong trường hợp đề tài chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.  3. Kết quả đánh giá định kỳ và kết quả kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài (nếu có) được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.  Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành. |  |
| **Điều 14. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của đề tài**  1. Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh.  2. Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần: Việc điều chỉnh do Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở tư vấn của Hội đồng khoa học hoặc chuyên gia tư vấn độc lập. | **Điều 14. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của đề tài**  1. Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh.  2. Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần: Việc điều chỉnh do Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở tư vấn của Hội đồng khoa học hoặc chuyên gia tư vấn độc lập. |  |
| **Điều 15. Điều chỉnh kinh phí thực hiện đề tài**  Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện đề tài (theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và theo phương thức khoán chi từng phần) được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. | **Điều 15. Điều chỉnh kinh phí thực hiện đề tài**  Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện đề tài (theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và theo phương thức khoán chi từng phần) được thực hiện theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý tài chính của Quỹ và các quy định hiện hành. |  |
| **Điều 16. Thay đổi tổ chức chủ trì đề tài**  1. Quỹ xem xét việc thay đổi tổ chức chủ trì trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sáp nhập, chia tách, giải thể tổ chức chủ trì hoặc tổ chức chủ trì hiện tại không đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này.  2. Tổ chức chủ trì mới phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này.  3. Tổ chức chủ trì hiện tại, tổ chức chủ trì mới và chủ nhiệm đề tài đề nghị bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định. | **Điều 16. Thay đổi tổ chức chủ trì đề tài**  1. Quỹ xem xét việc thay đổi tổ chức chủ trì trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sáp nhập, chia tách, giải thể tổ chức chủ trì hoặc tổ chức chủ trì hiện tại không đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này.  2. Tổ chức chủ trì mới phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này.  3. Tổ chức chủ trì hiện tại, tổ chức chủ trì mới và chủ nhiệm đề tài đề nghị bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định. |  |
| **Điều 17. Thay đổi chủ nhiệm đề tài**  1. Việc thay đổi chủ nhiệm đề tài chỉ được thực hiện khi tổ chức chủ trì có văn bản gửi đến Quỹ và thuộc một trong các trường hợp sau:  a) Chủ nhiệm đề tài đi học tập, công tác dài hạn trên 06 (sáu) tháng liên tục ở nước ngoài, không tham gia các hoạt động nghiên cứu của đề tài;  b) Chủ nhiệm đề tài bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của đề tài (có văn bản đề nghị của chủ nhiệm đề tài hoặc người được ủy quyền hoặc xác nhận của cơ quan y tế);  c) Chủ nhiệm đề tài tử vong hoặc mất tích trên 06 (sáu) tháng;  d) Chủ nhiệm đề tài không hoàn thành tiến độ và nội dung đề tài theo hợp đồng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác;  đ) Chủ nhiệm đề tài có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm đề tài vì lý do cá nhân khác không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao.  2. Chủ nhiệm đề tài mới phải đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 2 Điều 8 của Thông tư này. | **Điều 17. Thay đổi chủ nhiệm đề tài**  1. Việc thay đổi chủ nhiệm đề tài chỉ được thực hiện khi tổ chức chủ trì có văn bản gửi đến Quỹ và thuộc một trong các trường hợp sau:  a) Chủ nhiệm đề tài đi học tập, công tác dài hạn trên 06 (sáu) tháng liên tục ở nước ngoài, không tham gia các hoạt động nghiên cứu của đề tài;  b) Chủ nhiệm đề tài bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của đề tài (có văn bản đề nghị của chủ nhiệm đề tài hoặc người được ủy quyền hoặc xác nhận của cơ quan y tế);  c) Chủ nhiệm đề tài tử vong hoặc mất tích trên 06 (sáu) tháng;  d) Chủ nhiệm đề tài không hoàn thành tiến độ và nội dung đề tài theo hợp đồng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác;  đ) Chủ nhiệm đề tài có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm đề tài vì lý do cá nhân khác không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao.  2. Chủ nhiệm đề tài mới phải đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 2 Điều 8 của Thông tư này. |  |
| **Điều 18. Điều chỉnh nội dung của đề tài**  1. Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Chủ nhiệm đề tài, Tổ chức chủ trì đề tài được chủ động điều chỉnh nội dung đề tài và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình nhưng không làm thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả nghiên cứu của đề tài và tổng kinh phí thực hiện đề tài.  2. Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần: Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì đề tài phải có văn bản báo cáo Quỹ. Trên cơ sở đó Quỹ xem xét, quyết định việc điều chỉnh nội dung đối với từng trường hợp cụ thể. Trường hợp cần thiết, Quỹ lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học hoặc chuyên gia tư vấn độc lập. | **Điều 18. Điều chỉnh nội dung của đề tài**  Chủ nhiệm đề tài, Tổ chức chủ trì đề tài được chủ động điều chỉnh nội dung đề tài và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình nhưng không làm thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả nghiên cứu và tổng kinh phí thực hiện đề tài. |  |
| **Điều 19. Điều chỉnh thời gian thực hiện đề tài**  1. Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo hợp đồng, chậm nhất 60 (sáu mươi) ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải báo cáo bằng văn bản, giải trình lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện đề tài gửi Quỹ kèm theo báo cáo tình hình thực hiện đề tài đến thời điểm đề nghị gia hạn thực hiện. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Quỹ xem xét và có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn thực hiện đề tài. Thời gian gia hạn tối đa là 12 (mười hai) tháng.  2. Trường hợp đề tài đã hoàn thành nội dung công việc, đã triển khai ít nhất 2/3 (hai phần ba) thời gian nghiên cứu và có đủ sản phẩm khoa học theo hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì gửi văn bản đề nghị và Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (Mẫu NCUD06) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để Quỹ xem xét tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài | **Điều 19. Điều chỉnh thời gian thực hiện đề tài**  1. Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo hợp đồng, chậm nhất 60 (sáu mươi) ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải báo cáo bằng văn bản, giải trình lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện đề tài gửi Quỹ kèm theo báo cáo tình hình thực hiện đề tài đến thời điểm đề nghị gia hạn thực hiện. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Quỹ xem xét và có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn thực hiện đề tài. Thời gian gia hạn tối đa là 12 (mười hai) tháng. Trường hợp đặc biệt, do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.  2. Trường hợp đề tài đã hoàn thành nội dung công việc, đã triển khai ít nhất 3/4 (ba phần tư) thời gian nghiên cứu và có đủ sản phẩm khoa học theo hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì gửi văn bản đề nghị và Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED08) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để Quỹ xem xét tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài. | Nghiên cứu viết lại quy định về thời gian gia hạn và điều chỉnh mốc thời gian thực hiện đề tài.  Đưa điều khoản tương tự trong HĐ NC về điều chỉnh thời gian thực hiện…. |
| **Điều 20. Điều chỉnh khác đối với đề tài**  1. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được quyền điều chỉnh đối với các trường hợp sau nhưng không làm thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả nghiên cứu của đề tài và tổng kinh phí thực hiện đề tài:  a) Điều chỉnh mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, sửa chữa, mua sắm tài sản cố định: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì đề tài được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại vật tư, nguyên, nhiên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước, kế hoạch sửa chữa, mua sắm tài sản cố định và không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu đã được phê duyệt;  b) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu: Chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì đề tài được chủ động thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu (không phải là thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học) để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của đề tài đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế và phải đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư này;  c) Đối với đoàn ra: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch đoàn ra.  Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được chủ động điều chỉnh thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế.  2. Quỹ xem xét phê duyệt, điều chỉnh đối với các trường hợp sau:  a) Điều chỉnh mua sắm vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, tổ chức chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài có văn bản giải trình với Quỹ về việc điều chỉnh nội dung không khoán chi trong đề tài. Quỹ xem xét việc điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, thiết bị, máy móc mua bằng ngân sách nhà nước;  b) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu: Trường hợp bổ sung, thay thế thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học, phải có sự đồng ý của Quỹ bằng văn bản. Cá nhân tham gia nghiên cứu phải đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư này;  c) Điều chỉnh đoàn ra: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, trường hợp điều chỉnh nước đến, số lượng người tham gia, kinh phí tổ chức đoàn ra cần có ý kiến bằng văn bản của Quỹ.  3. Các trường hợp khác, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài đề xuất để Quỹ xem xét, quyết định. | **Điều 20. Điều chỉnh khác đối với đề tài**  1. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được quyền điều chỉnh đối với các trường hợp sau nhưng không làm thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả nghiên cứu của đề tài và tổng kinh phí thực hiện đề tài:  a) Điều chỉnh mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, sửa chữa, mua sắm tài sản cố định: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì đề tài được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại vật tư, nguyên, nhiên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước, kế hoạch sửa chữa, mua sắm tài sản cố định và không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu đã được phê duyệt;  b) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu: Chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì đề tài được chủ động thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của đề tài đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế và phải đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư này;  c) Đối với đoàn ra: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch đoàn ra.  Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài được chủ động điều chỉnh thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế.  2. Quỹ xem xét phê duyệt, điều chỉnh đối với các trường hợp sau:  a) Điều chỉnh mua sắm vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, tổ chức chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài có văn bản giải trình với Quỹ về việc điều chỉnh nội dung không khoán chi trong đề tài. Quỹ xem xét việc điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, thiết bị, máy móc mua bằng ngân sách nhà nước;  ~~b) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu: Trường hợp bổ sung, thay thế thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học, phải có sự đồng ý của Quỹ bằng văn bản. Cá nhân tham gia nghiên cứu phải đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư này;~~  c) Điều chỉnh đoàn ra: Đối với đề tài thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, trường hợp điều chỉnh nước đến, số lượng người tham gia, kinh phí tổ chức đoàn ra cần có ý kiến bằng văn bản của Quỹ.  3. Các trường hợp khác, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài đề xuất để Quỹ xem xét, quyết định. |  |
| **Điều 21. Trình tự, thủ tục điều chỉnh**  1. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của Quỹ:  a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh bao gồm: Đơn đề nghị thay đổi nội dung hợp đồng của chủ nhiệm đề tài kèm theo Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì đề tài (Mẫu NCUD07) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tài liệu khác có liên quan (nếu có);  b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, Quỹ ban hành quyết định điều chỉnh hoặc gửi công văn trả lời tới tổ chức chủ trì đề tài nêu rõ lý do không điều chỉnh;  c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phương án điều chỉnh đối với các trường hợp điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 của Thông tư này. Trường hợp cần thiết Hội đồng Quản lý Quỹ lấy ý kiến của chuyên gia độc lập trước khi quyết định.  Đối với các điều chỉnh do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định, Cơ quan điều hành Quỹ, căn cứ vào hồ sơ điều chỉnh, chuẩn bị phương án và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định;  d) Cơ quan điều hành Quỹ xem xét, quyết định việc điều chỉnh thời gian thực hiện, nội dung thực hiện, thành viên nghiên cứu, đoàn ra, kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, nguyên vật liệu của các đề tài khoán chi từng phần, kinh phí không khoán chi quy định tại Điều 15, Khoản 2 Điều 18, Điều 19, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 20 của Thông tư này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu sản phẩm đề ra và không làm thay đổi tổng kinh phí thực hiện của đề tài. Trường hợp cần thiết Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định;  đ) Các văn bản điều chỉnh (nếu có) là thành phần của Hợp đồng đã ký.  2. Tổ chức chủ trì đề tài chủ động quyết định điều chỉnh các nội dung quy định tại Điều 15, Khoản 1 Điều 18 và Khoản 1 Điều 20 Thông tư này:  a) Hồ sơ, trình tự thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức chủ trì đề tài;  b) Trường hợp không chấp nhận việc thay đổi của chủ nhiệm đề tài, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh, tổ chức chủ trì phải có ý kiến bằng văn bản gửi chủ nhiệm đề tài nêu rõ lý do không đồng ý điều chỉnh. | **Điều 21. Trình tự, thủ tục điều chỉnh**  1. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của Quỹ:  a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh bao gồm: Đơn đề nghị thay đổi nội dung hợp đồng của chủ nhiệm đề tài kèm theo Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì đề tài (Mẫu NAFOSTED09) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tài liệu khác có liên quan (nếu có);  b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, Quỹ ban hành quyết định điều chỉnh hoặc gửi công văn trả lời tới tổ chức chủ trì đề tài nêu rõ lý do không điều chỉnh;  c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phương án điều chỉnh đối với các trường hợp điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài;  Đối với các điều chỉnh do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định, Cơ quan điều hành Quỹ, căn cứ vào hồ sơ điều chỉnh, chuẩn bị phương án và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định;  d) Cơ quan điều hành Quỹ xem xét, quyết định việc điều chỉnh thời gian thực hiện, đoàn ra, kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, nguyên vật liệu của các đề tài khoán chi từng phần, kinh phí không khoán chi trên cơ sở đảm bảo mục tiêu sản phẩm đề ra và không làm thay đổi tổng kinh phí thực hiện của đề tài;  đ) Các văn bản điều chỉnh (nếu có) là thành phần của Hợp đồng đã ký.  e) Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến của chuyên gia độc lập hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để đánh giá sự phù hợp của đề nghị điều chỉnh. Kết quả làm việc của chuyên gia độc lập hoặc Hội đồng tư vấn là căn cứ để Quỹ xem xét, xử lý đối với đề nghị điều chỉnh.  2. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của tổ chức chủ trì  a) Hồ sơ, trình tự thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức chủ trì đề tài;  b) Trường hợp không chấp nhận việc thay đổi của chủ nhiệm đề tài, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh, tổ chức chủ trì phải có ý kiến bằng văn bản gửi chủ nhiệm đề tài nêu rõ lý do không đồng ý điều chỉnh.  c) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài báo cáo với Quỹ về các nội dung đã điều chỉnh thuộc thẩm quyền của tổ chức chủ trì thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp của đề tài. |  |
| **Điều 22. Chấm dứt hợp đồng**  1. Hợp đồng chấm dứt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;  b) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài bị đình chỉ thực hiện đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định tại Điểm a, b, c Khoản 4 Điều 11 Thông tư này;  c) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu đề tài theo quy định;  d) Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do Quỹ không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện đề tài mà không có lý do chính đáng, hoặc không giải quyết những kiến nghị, đề xuất của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài theo quy định của pháp luật.  2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng được lập thành 01 (một) bộ (bản chính) bao gồm:  a) Công văn của tổ chức chủ trì về việc chấm dứt hợp đồng (nếu có);  b) Thông báo tạm dừng thực hiện đề tài của Quỹ;  c) Hợp đồng đã ký giữa chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì và Quỹ;  d) Báo cáo tình hình thực hiện đề tài bao gồm: Nội dung, sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành, đang triển khai và chưa triển khai; tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí;  đ) Tài liệu khác (nếu có).  3. Thông báo chấm dứt hợp đồng:  a) Trong trường hợp tổ chức chủ trì đề tài chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng: Tổ chức chủ trì gửi đề nghị chấm dứt hợp đồng tới Quỹ, bao gồm công văn giải trình và báo cáo tình hình thực hiện đề tài quy định tại Điểm a và Điểm d Khoản 2 Điều này.  Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề nghị hợp lệ của tổ chức chủ trì, Quỹ xem xét và gửi thông báo tạm dừng thực hiện đề tài cho tổ chức chủ trì;  b) Trường hợp Quỹ đề nghị chấm dứt hợp đồng: Cơ quan điều hành Quỹ gửi thông báo tạm dừng thực hiện đề tài.  c) Kể từ ngày nhận được thông báo tạm dừng thực hiện đề tài, tổ chức chủ trì phải ngừng mọi hoạt động có liên quan đến đề tài. Trong trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này, tổ chức chủ trì xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện đề tài và gửi đến Quỹ.  4. Kiểm tra, quyết định chấm dứt hợp đồng:  a) Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý. Trong quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm từ kinh phí do Quỹ tài trợ;  b) Quỹ thực hiện thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì đề tài theo quy định hiện hành.  5. Trường hợp chấm dứt hợp đồng thực hiện đề tài theo các trường hợp quy định tại Điểm b và c Khoản 1 Điều này, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng. | **Điều 22. Chấm dứt hợp đồng**  1a. Trong thời gian kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục các đề tài được tài trợ đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện, Quỹ có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt tài trợ cho đề tài thuộc một trong các trường hợp sau:  a) Có sự giả mạo, gian lận hoặc khai báo không trung thực trong hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài;  b) Vi phạm các yêu cầu đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài;  c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện đề tài từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;  d) Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng theo yêu cầu.  Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành.  1. Hợp đồng chấm dứt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;  b) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài bị đình chỉ thực hiện đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1a Điều này;  c) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu đề tài theo quy định;  d) Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do Quỹ không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện đề tài mà không có lý do chính đáng, hoặc không giải quyết những kiến nghị, đề xuất của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài theo quy định của pháp luật.  3. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng được lập thành 01 (một) bộ (bản chính) bao gồm:  a) Công văn của tổ chức chủ trì về việc chấm dứt hợp đồng (nếu có);  b) Thông báo tạm dừng thực hiện đề tài của Quỹ;  c) Hợp đồng đã ký giữa chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì và Quỹ;  d) Báo cáo tình hình thực hiện đề tài bao gồm: Nội dung, sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành, đang triển khai và chưa triển khai; tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí;  đ) Tài liệu khác (nếu có).  4. Thông báo chấm dứt hợp đồng:  a) Trong trường hợp tổ chức chủ trì đề tài chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng: Tổ chức chủ trì gửi đề nghị chấm dứt hợp đồng tới Quỹ, bao gồm công văn giải trình và báo cáo tình hình thực hiện đề tài quy định tại Điểm a và Điểm d Khoản 2 Điều này.  Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề nghị hợp lệ của tổ chức chủ trì, Quỹ xem xét và gửi thông báo tạm dừng thực hiện đề tài cho tổ chức chủ trì;  b) Trường hợp Quỹ đề nghị chấm dứt hợp đồng: Cơ quan điều hành Quỹ gửi thông báo tạm dừng thực hiện đề tài.  c) Kể từ ngày nhận được thông báo tạm dừng thực hiện đề tài, tổ chức chủ trì phải ngừng mọi hoạt động có liên quan đến đề tài. Trong trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này, tổ chức chủ trì xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện đề tài và gửi đến Quỹ.  5. Kiểm tra, quyết định chấm dứt hợp đồng:  a) Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý. Trong quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm từ kinh phí do Quỹ tài trợ;  b) Quỹ thực hiện thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì đề tài theo quy định hiện hành.  6. Trường hợp chấm dứt hợp đồng thực hiện đề tài theo các trường hợp quy định tại Điểm b và c Khoản 1 Điều này, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng. |  |
| **Điều 23. Báo cáo và hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài**  1. Báo cáo kết quả thực hiện đề tài, bao gồm:  a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài;  b) Tài liệu chứng minh về sản phẩm của đề tài là công trình công bố trên tạp chí khoa học, bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích/bằng bảo hộ giống cây trồng (trường hợp chưa được cấp bằng phải có thông báo chấp nhận đơn hợp lệ và kết quả tra cứu khả năng bảo hộ) và các sản phẩm khoa học khác (nếu có).  2. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài bao gồm:  a) Báo cáo kết quả thực hiện đề tài theo quy định tại Khoản 1 Điều này;  b) Hợp đồng (bao gồm thuyết minh đề tài);  c) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).  ~~3. Thời gian chờ công bố: Đối với các đề tài đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu và gửi báo cáo kết quả thực hiện của đề tài theo thời hạn quy định (kể cả thời gian gia hạn nếu có) nhưng bài báo quốc tế là kết quả của đề tài chưa được đăng hoặc chấp nhận đăng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì nộp bản thảo và minh chứng về việc đã gửi đăng cho Quỹ. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì phải thực hiện đăng bài báo và nộp minh chứng (bài báo đã được đăng) ho Quỹ trong thời gian 12 (mười hai) tháng sau khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng.~~ | **Điều 23. Báo cáo và hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài**  1. Báo cáo kết quả thực hiện đề tài, bao gồm:  a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài;  b) Tài liệu chứng minh về sản phẩm của đề tài là công trình công bố trên tạp chí khoa học, bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích/bằng bảo hộ giống cây trồng ~~(trường hợp chưa được cấp bằng phải có thông báo chấp nhận đơn hợp lệ và kết quả tra cứu khả năng bảo hộ)~~ và các sản phẩm khoa học khác (nếu có).  2. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài bao gồm:  a) Báo cáo kết quả thực hiện đề tài theo quy định tại Khoản 1 Điều này;  b) Hợp đồng (bao gồm thuyết minh đề tài);  c) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có). | **Bãi bỏ khoản 3 về thời gian chờ công bố** |
| **Điều 24. Đánh giá kết quả thực hiện đề tài**  1. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện đề tài và nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Quỹ:  a) Thời hạn nộp báo cáo: Thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng (tính cả thời gian gia hạn hợp đồng nếu có). Trường hợp đề tài được hoàn thành sớm hơn so với thời gian quy định tại hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có thể đề nghị Quỹ tổ chức nghiệm thu trước thời hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư này;  b) Số lượng: 01 (một) bản gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 01 (một) bản điện tử.  2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Quỹ thông báo (qua thư điện tử) cho chủ nhiệm đề tài về tình trạng hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp báo cáo chưa hợp lệ theo quy định thì chủ nhiệm đề tài cần bổ sung trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Quỹ.  3. Cơ quan điều hành Quỹ chuẩn bị hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Thông tư này và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đề tài thông qua Hội đồng khoa học theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.  4. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện đề tài:  a) Mức độ đạt được mục tiêu nghiên cứu, kết quả nghiên cứu;  b) Sự phù hợp của sản phẩm khoa học so với kết quả dự kiến theo Thuyết minh của đề tài (bài báo công bố trên tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; bằng bảo hộ giống cây trồng và các sản phẩm khoa học khác); Các kết quả công bố được công nhận là kết quả của đề tài phải được đăng ký (đối với bằng độc quyền sáng chế; bằng bảo hộ giống cây trồng), công bố (đối với bài báo, báo cáo, sách chuyên khảo) trong thời gian thực hiện hợp đồng và thời gian gia hạn, chờ công bố (nếu có);  c) Việc tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài theo hợp đồng.  5. Hội đồng khoa học đánh giá kết quả thực hiện đề tài theo quy định trong Quy chế làm việc của Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. | **Điều 24. Đánh giá kết quả thực hiện đề tài**  1. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện đề tài và nộp đến Quỹ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng (bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng nếu có). Trường hợp đề tài được hoàn thành sớm hơn so với thời gian quy định tại hợp đồng chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có thể đề nghị Quỹ tổ chức nghiệm thu trước thời hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư này.  2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Quỹ thông báo (qua thư điện tử) cho chủ nhiệm đề tài về tình trạng hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp báo cáo chưa hợp lệ theo quy định thì chủ nhiệm đề tài cần bổ sung trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Quỹ.  3. Cơ quan điều hành Quỹ chuẩn bị hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện đề tài theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Thông tư này và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đề tài thông qua Hội đồng khoa học theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.  4. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện đề tài:  a) Việc tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài;  b) Kết quả khoa học đạt được trong thời gian thực hiện đề tài được thể hiện trong báo cáo tổng hợp;  c) Kết quả công bố trong thời gian thực hiện đề tài: Bài báo đã được các tạp chí quốc tế có uy tín, tạp chí khoa học khác công bố (trực tuyến hoặc in ấn); Bài báo đã nộp đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, được tạp chí tiếp nhận và gửi xin ý kiến phản biện; báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; bằng độc quyền sáng chế/ bằng bảo hộ giống cây trồng; bằng độc quyền giải pháp hữu ích;  d) Đánh giá về ý nghĩa thực tiễn, khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài;  đ) Mức độ thành công của đề tài khi so sánh kết quả đạt đượcvới mục tiêu nghiên cứu và kết quả dự kiến đề ra trong thuyết minh.  5. Hội đồng khoa học đánh giá kết quả thực hiện đề tài theo quy định trong Quy chế làm việc của Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. |  |
| **Điều 25. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu đề tài**  1. Đối với đề tài được đánh giá kết quả thực hiện “đạt”:  a) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Quỹ gửi bản sao kết quả đánh giá của Hội đồng khoa học đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài;  b) Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá, tổ chức chủ trì có trách nhiệm đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện với Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ và nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ đến Quỹ.  2. Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện đề tài đối với đề tài “đạt” hoặc kể từ ngày có kết quả đánh giá của Hội đồng khoa học đối với đề tài “không đạt”, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp, trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Đề tài được quyết toán và thanh lý hợp đồng theo quy định.  4. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.  5. Trường hợp đề tài không đạt, hoặc chưa có bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng là sản phẩm của đề tài như đăng ký, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.  6. Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 (năm) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | **Điều 25. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu đề tài**  1. Đối với đề tài được đánh giá kết quả thực hiện “đạt”:  a) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Quỹ gửi bản sao kết quả đánh giá của Hội đồng khoa học đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài;  b) Trong thời gian 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá, tổ chức chủ trì có trách nhiệm đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện với Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ và nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ đến Quỹ.  2. Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện đề tài đối với đề tài “đạt” hoặc kể từ ngày có kết quả đánh giá của Hội đồng khoa học đối với đề tài “không đạt”, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp, trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.  3. Quyết định công nhận kết quả thực hiện là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng.  4. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành. Hội đồng quản lý Quỹ giao Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng để kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ kết quả kiểm tra, Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt phương án xử lý.  5. Trường hợp đề tài không đạt hoặc chưa có bằng độc quyền sáng chế/ bằng bảo hộ giống cây trồng là sản phẩm của đề tài như đăng ký, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài.  6. Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 (năm) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | *Vụ XNT: Tại sao lại giữ lại kinh phí đợt cuối, vậy đề tài lấy đâu kinh phí để thực hiện, quy định này có tham khảo quy định nào về tài chính không?Kinh phí đợt cuối chiếm bao nhiêu % tổng kinh phí của đề tài?có làm ảnh hưởng đến việc triển khai đề tài hay không=> tiếp thu <3.* |
| **Điều 26. Công nhận kết quả thực hiện đề tài**  1. Trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện đề tài, Quỹ gửi Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài tới chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì.  2. Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng.  3. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ tài trợ được công nhận về thành tích nghiên cứu tương đương với thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. | **Điều 26. Công nhận kết quả thực hiện đề tài**  1. Trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện đề tài, Quỹ gửi Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài tới chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì.  2. Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng.  3. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ tài trợ được công nhận về thành tích nghiên cứu tương đương với thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. |  |
| **Điều 27. Quản lý tài sản hình thành của đề tài**  Tài sản hình thành trong quá trình thực hiện đề tài sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành. | **Điều 27. Quản lý, sử dụng tài sản hình thành của đề tài**  Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ được quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành. |  |
| **Điều 28. Trách nhiệm của Quỹ**  Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn đề tài; tổ chức thực hiện đề tài; đánh giá nghiệm thu, thanh lý đề tài; quản lý, theo dõi việc sử dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan. | **Điều 28. Trách nhiệm của Quỹ**  Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn đề tài; tổ chức thực hiện đề tài; đánh giá nghiệm thu, thanh lý đề tài; quản lý, theo dõi việc sử dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan. |  |
| **Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài**  1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài:  a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ đề nghị tài trợ; cùng chủ nhiệm đề tài ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với Cơ quan điều hành Quỹ;  b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực theo hợp đồng để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện đề tài một cách hiệu quả;  c) Tiếp nhận, hỗ trợ chủ nhiệm đề tài trong việc quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo đúng quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, bảo đảm hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;  d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho Quỹ và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với đề tài. Báo cáo, trả lời các khảo sát của Quỹ về phát triển, ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, phát triển của nhóm nghiên cứu tham gia đề tài và các thông tin liên quan khác, phục vụ đánh giá hiệu quả và hoạch định chương trình tài trợ của Quỹ;  đ) Cùng với chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đề tài;  e) Thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định;  g) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của đề tài theo quy định. Tổ chức quản lý, khai thác kết quả của đề tài và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động này theo quy định.  2. Tổ chức chủ trì vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này không được đăng ký làm tổ chức chủ trì các đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 01 (một) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. | **Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài**  1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài:  a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ đề nghị tài trợ; cùng chủ nhiệm đề tài ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với Cơ quan điều hành Quỹ;  b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực theo hợp đồng để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện đề tài một cách hiệu quả;  c) Tiếp nhận, ~~hỗ trợ chủ nhiệm đề tài trong việc~~ quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo đúng quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, bảo đảm hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;  d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho Quỹ và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với đề tài. Báo cáo, trả lời các khảo sát của Quỹ về phát triển, ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, phát triển của nhóm nghiên cứu tham gia đề tài và các thông tin liên quan khác, phục vụ đánh giá hiệu quả và hoạch định chương trình tài trợ của Quỹ;  đ) Cùng với chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đề tài;  e) Thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định;  g) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của đề tài theo quy định. Tổ chức quản lý, khai thác kết quả của đề tài và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động này theo quy định.  h) Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu trong tổ chức triển khai nghiên cứu.  2. Tổ chức chủ trì vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này không được đăng ký làm tổ chức chủ trì các đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 01 (một) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. |  |
| **Điều 30. Trách nhiệm của chủ nhiệm và thành viên tham gia đề tài**  1. Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm:  a) Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết;  b) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài theo đúng các quy định hiện hành;  c) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện đề tài, sử dụng kinh phí, kết quả đề tài theo quy định của Quỹ;  d) Phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài thực hiện đăng ký lưu giữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định;  đ) Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo quy định của pháp luật.  2. Các thành viên tham gia đề tài phối hợp, thực hiện các nội dung theo hợp đồng, phân công của chủ nhiệm đề tài và các quy định quản lý của đề tài, của tổ chức chủ trì, chịu trách nhiệm về các nội dung và kết quả nghiên cứu tham gia thực hiện. | **Điều 30. Trách nhiệm của chủ nhiệm và thành viên tham gia đề tài**  1. Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm:  a) Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định;  b) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng và các điều chỉnh được phê duyệt theo quy định; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài theo đúng các quy định hiện hành;  c) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện đề tài, sử dụng kinh phí, kết quả đề tài theo quy định của Quỹ;  d) Phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài thực hiện đăng ký lưu giữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định;  đ) Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo quy định của pháp luật.  e) Giới thiệu công khai trong tổ chức chủ trì các thông tin cập nhật về đề tài được Quỹ tài trợ, gồm tên đề tài, tổng kinh phí, thời gian thực hiện, chủ nhiệm và các thành viên đề tài, các kết quả nghiên cứu của đề tài trong suốt thời gian thực hiện đề tài (Mẫu NAFOSTED 10);  2. Các thành viên tham gia đề tài phối hợp, thực hiện các nội dung theo hợp đồng, phân công của chủ nhiệm đề tài và các quy định quản lý của đề tài, của tổ chức chủ trì, chịu trách nhiệm về các nội dung và kết quả nghiên cứu tham gia thực hiện.  3. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ, đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. |  |
| **Điều 31. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.  2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.  3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định./. | **Điều 31. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.  2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.  3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định./. |  |
| **BIỂU MẪU** |  |  |
| a) Mẫu NCUD01. Đơn đăng ký đề tài nghiên cứu ứng dụng;  b) Mẫu NCUD02. Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng;  c) Mẫu NCUD05. Báo cáo định kỳ;  d) Mẫu NCUD06. Báo cáo tổng hợp. | 3. Các biểu mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ được sửa đổi, bổ sung theo các mẫu biểu được ban hành kèm theo Thông tư này:  a. Đơn đăng kí đề tài: Mẫu NAFOSTED01  b. Thuyết minh đề tài: Mẫu NAFOSTED 02  c. Lý lịch khoa học: Mẫu NAFOSTED03  d. Phiếu khai hồ sơ (Mẫu NAFOSTED04);  e. Hợp đồng: Mẫu NAFOSTED05  f. Báo cáo định kỳ: Mẫu NAFOSTED06  g. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí Mẫu NAFOSTED07  h. Báo cáo tổng hợp: Mẫu NAFOSTED08  i. Công văn đề nghị điều chỉnh: Mẫu NAFOSTED09 | Chỉnh sửa mẫu Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và mấu Báo cáo tổng hợp để phù hợp với các quy định mới trong quản lý tài chính; điều chỉnh đơn và thuyết minh theo hướng tin học hóa tối đa. |